



NĂM THỨ HAI ■ TUẦN BÁO VĂN HỌC
NGHỆ THUẬT RA NGÀY THỨ NĂM ■ 20 Đ.

Khởi Hành

CHỦ NHIỆM, CHỦ BÚT:
ANH VIỆT TRẦN VĂN TRỌNG

THƯ KÝ TÒA SOẠN:
VIÊN LINH

Wasm
P4430
A1K4544

VŨ BĂNG
người mê đình hùng

NGUYỄN NHẬT DUẬT
đình hùng và mê hồn ca

TRẦN VĂN NAM
từ đối nghịch lý tình
đến triết lý tổng hợp

CAO HUY KHANH
huê : rằm tháng bảy
trên đường âm hồn

67

thứ năm 20-8-70

TRẦN
TUÂN
KIẾT



NÀNG ĐI

bóng trời chứa động hư vô
nàng đi quên trở lại mờ trần gian
viễn khơi trắng dựng huy hoàng
năm sông bảy núi hoang tàn
ngoài kia

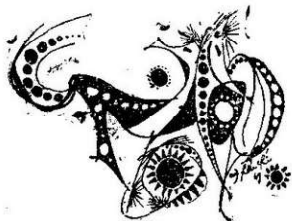
quán ngồi nổi mộng chờ khuya,
trong cơn hồng thủy dè mê
nạn người

THƯỢNG ĐẾ

thiên đàng mọc ở trời cao,
ta lên chơi đã xôn xao chợ trời
tim quanh Thượng Đế đâu rồi
ngó về thế cuộc thấy người hiện sinh
đất cuồng nhịp sống văn minh,
hồn thơ đã rụng lá cành chiêm bao
xuân thu đầy cốc men trào,
dắm trong máu đỏ thế nào
hỡi Người

TỜ BẢO, NGƯỜI VIẾT VÀ NGƯỜI ĐỌC

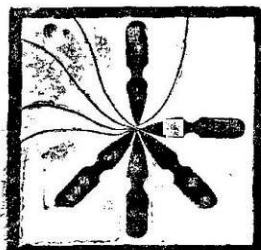
Kể từ số thay đổi bộ mặt ngoài bì, số 55, Khởi Hành đã mời cộn gác thêm một vài nhà văn tên tuổi, đặc biệt được coi như ở những phía đi nghịch nhau về phoong thái, cũng như về khuynh hướng. Cho tới những số này, sau gần một năm rưỡi có mặt, chúng tôi thẳng thắn hãnh diện, tờ bảo mà các bạn đang đọc là tờ tuần báo văn học nghệ thuật đầu tiên ở Miền Nam, kể từ 1954 đến nay, đã qui tụ được, như trong một hộp mặt đồng đảo, những người không cùng ý kiến... Gác bỏ ra ngoài giá trị cá nhân của những góp mặt ấy, chúng tôi chỉ muốn trình bày, — và đã làm, rằng Khởi Hành là một diễn đàn rộng lớn, nơi mong mỏi thể hiện những nhận định, những thái độ khác biệt — không nhằm một mục đích nào — ngoài mục đích đưa ra những khác biệt ấy, những khác biệt toàn diện của Văn Học Nghệ Thuật Miền Nam, làm nên Văn học nghệ thuật miền Nam. Thể hiện, trung thành thể hiện, cả cái đen lẫn cái trắng, cả cái xám lẫn cái hồng, không một hậu ý nào. Nói thế là vì có một vài bạn đọc viết thư cho KH, khen gọi KH đã dung hòa được các ảnh hưởng trong văn nghệ ở đây. Thật ra, tại sao lại dung hòa? Không việc gì cần phải dung hòa văn nghệ, trừ phi muốn dùng văn nghệ vào mục đích gì, bất văn nghệ phải thế này, thế nọ, phải nhằm vào «quần chúng ích lợi» hay phải nói đến «thực tế chiến tranh». Dung hòa, chữ ấy chỉ có nghĩa khi có những phe nhóm xung đột vì cùng nhằm một quyền lợi. Văn nghệ không cần dung hòa, văn nghệ càng cần phải khai triển sự xung đột, sự dị biệt. Có bạn đọc khác tỏ ý không hài lòng khi thấy KH mời cộng tác người này, người kia, in tên bằng chữ lớn, vì cho rằng ông ta không có gì cả. Chola như thế đi, và điều mà chúng tôi muốn làm, là trình bày cái không có gì ấy. Đó chính là cách đẹp nhất để làm phát triển một giá trị, cũng như để phơi bày một giá trị trước đó mơ hồ, được quang hoa chiếu đến, hay được son phết dưới những nước sơn thời trang chỉ đặc thời trong một lúc nào đó, ở một nơi nào đó, nhưng sẽ mờ nhạt và đứng tầm vóc trở lại khi đứng giữa chỗ đông đảo, cho nên không phải dung hòa, ai muốn tích cực dẫn thân cứ tích cực dẫn thân; ai muốn lảng lẽ ghi chép cứ việc lảng lẽ ghi chép. Những nhận định mọi phía, những giá trị chính xác tự khắc sẽ được soi sáng, không cần đến một thức ép nào. Cái quan trọng là làm việc, là gây sinh hoạt, là có sinh hoạt. Không đến dự sinh hoạt chỉ vì khác biệt quan niệm, đó mới là điều đáng tiếc.



Một nhà văn tên tuổi nhận xét về Khởi Hành mới đây có nói: KH văn nghệ nhiều quá. Chữ văn nghệ ở đây hình như được dùng như một tính từ. Anh văn nghệ quá. Văn nghệ quá là thiếu sự nhìn ngắm cần có vào đời sống, vào thời sự, vào sinh hoạt. Là thiếu nhận định về sự việc, thiếu phê phán những biến cố.

Câu nói tuy rằng đúng, nhưng có lẽ làm một tờ tuần báo văn nghệ ở Saigon, trong tình trạng chính trị kinh tế lẫn át mọi thứ, không thể làm dễ được. Văn Nghệ lúc này kém sôi nổi. Số lượng sách in tụt hẳn xuống, vì giấy đắt; ngành trình diễn không có — ngoài Truyền Hình và Cải Lương. Cả nước không có một phòng triển lãm tranh, các họa sĩ muốn bày tranh đều phải nhờ đến Hội Điện Văn Đồng Minh, Trung Tâm Văn Hóa Pháp, Hội Việt Mỹ, và hành lang các khách sạn ở đường Tự Do. Sinh hoạt như thế, báo văn nghệ tất phải khó, tất phải đầy những ý thức, phải đầy những siêu hình. (Thơ tràn lan có lẽ chính vì đời sống thấp, dĩ một chỗ, chẳng có gì để sống, chẳng làm gì được, không đi đâu thoát, đành bay thẳng lên mây và chui vào nội tâm?)

Biết làm thế nào hơn là...
cứ làm ?



DƯƠNG TRÚ LA

THOISU nghe thuật

HOÀNG NGUYỄN GẬP NHIỀU CHUYỆN BUỒN

Nhạc sĩ Hoàng Nguyễn nghe đâu lúc sau này gặp nhiều chuyện không được vui, ngoài việc ông bị đổi sang đơn vị khác, còn chuyện buồn gia đình chi đó, nên lúc này người ta thấy anh thường là cả các quầu rượu «tiểu sầu».

Cuộc đời khi vậy khi khác buồn làm chi nhạc sĩ ơi !

GIỌT LỆ CHO...PHẠM DUY

Trong tuần này, nhà Chân Mây của giáo sư Ngô văn Lữ cũng sẽ cho lên khuôn tập nhạc tuyển thứ hai (sau cuốn Tinh Đầu của Vũ Thành An) của Phạm Duy đó là cuốn (Giọt Lệ cho tình ta).

«Giọt lệ tình cho ta» gồm 16 bài ngợi ca tình yêu thương.

Trong đó có những bài nổi tiếng cũng như xôn xao dư luận đó là những bài như Ngàn Trùng xa cách, Nước mắt mùa thu (làm riêng cho nữ ca sĩ thời danh nhất L. T.). Phương yêu một tình ca mới dành riêng cho những người biết yêu, đang yêu hay sẽ yêu.

Không biết sau Giọt Lệ Cho Tình Ta, nhà Chân Mây sẽ làm đến cái gì. Điều này có lẽ lại phải đợi đến lúc gặp gỡ giám đốc Ngô văn Lữ, mới biết được.

HOÀI KHANH VÀ TRÍ NHỚ HOANG VU VÀ KHÔI

Đây là tác phẩm 28 của nhà xuất bản Cáo và là tập truyện đầu tay của Hoài Khanh gồm 4 truyện: «Cho lòng thờ than», «Thấp một ngọn đèn», «Thành phố đi rồi», và «Trí nhớ hoang vu và khôi».

Không khí trong truyện vừa thơ mộng vừa tàn bạo, chẳng hạn như trong truyện «Cho lòng thờ than» nói về một người mẹ phải nghiêng rặng hy sinh nuôi dạy con mình xuống ao để cứu sống đứa trẻ trăm người trốn thoát trận ruộng bỏ của lính Pháp và truyện «Trí nhớ hoang vu» có hình ảnh dấu chân cô gái bên cạnh dấu chân năm móng sắc bén của cạp vào thời kháng chiến.

Tác giả vốn là một nhà thơ do đó văn ông nhiều đoạn như thơ.

NỮ SĨ NGUYỄN THỊ HOÀNG ĐĂNG ĐÀN.

Nữ sĩ Nguyễn Thị Hoàng nói chuyện về đề tài «Nghĩ về văn hóa VN hiện tại» vào lúc 10 giờ sáng Chủ Nhật 16-8-70 tại thính đường trường Quốc Gia Âm Nhạc và Kịch nghệ số 112 đường Nguyễn Du Saigon.

Nguyễn Thị Hoàng là một trong những nữ sĩ hiện đại nổi tiếng của làng Văn bút Việt Nam. Bà được đọc giả biết đến với tác phẩm «Vòng tay học trò» năm 1966.

Buổi nói chuyện văn chương này do Trung Tâm Văn bút Việt Nam tổ chức trong chương trình những buổi nói chuyện thường xuyên về văn học của Hội. Mấy lúc sau này, đường như Nguyễn thị Hoàng có phần hoạt động ráo riết, nhưng phần lớn những hoạt động của bà lại không phải là viết tiểu thuyết. Như vậy không rõ nữ sĩ này đang dọn đường cho «một cái gì» đây.

ĐOÀN VĂN NGHỆ VIỆT NAM ĐÃ LÊN ĐƯỜNG DỰ HỘI CHỢ QUỐC TẾ OSAKA

Đoàn Văn Nghệ VN gồm 89 nghệ sĩ do Văn Giảng, Phó trưởng đoàn hướng dẫn lúc 11 giờ 50 ngày 7-8 đã đáp phi cơ của Hãng Không VN đi Osaka Nhật Bản.

Trước giờ lên đường, tại ph cảng Tân Sơn Nhất. Nhạc sĩ Văn Giảng cho biết: «Trưởng đoàn là Nhạc sĩ Nguyễn Phụng đã qua Osaka từ ngày 1-8, để sắp xếp và nghiên cứu trước cho ba chương trình trình diễn của đoàn Văn Nghệ VN tại Osaka».

Nhạc sĩ Văn Giảng cho biết tiếp buổi trình diễn đầu tiên của đoàn Văn nghệ VN sẽ được tổ chức vào đêm 10-8 tại Osaka.

Trong 3 chương trình, trình diễn Nhạc sĩ Văn Giảng cho rằng: đoàn văn nghệ hy vọng nhiều ở các màn trình diễn của ban vũ cổ truyền, của ban vũ thành nội Huế, và những vũ điệu này mang đầy hồn tính về phong thái VN.

Nhận định tổng quát về thành phần Nghệ sĩ để tiên liệu sự thành công của đoàn Văn nghệ VN trình diễn tại Osaka, Nhạc sĩ Văn Giảng, nói rằng chúng tôi rất hy vọng sẽ thành công vì anh em trong đoàn đều tỏ ra cố gắng vượt mức, và ông tiếp: «trong buổi tổng duyệt vừa qua, đoàn Văn nghệ VN đã được nhiều vũ công thăm quyền về bộ môn trình diễn, sân khấu phê bình và cho rằng đoàn văn nghệ VN sẽ thành công tại Osaka từ 80 đến 90 phần trăm trình theo sự dự trù của ban tổ chức».

Tuy nhiên, bằng giọng lạc quan tin tưởng Nhạc sĩ Văn Giảng nói rằng chúng tôi sẽ cố gắng vượt mức tại Osaka và có thể gặp nhiều may mắn hơn.

Được biết, Đoàn Văn nghệ VN trình diễn tại hội chợ quốc tế Osaka có tất cả gần 100 nghệ sĩ. Thành phần gồm 50 nghệ sĩ thuộc văn phòng Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa, 35 nghệ sĩ thuộc Tổng Cục Chiến Tranh Chính trị và 15 nghệ sĩ thuộc Bộ Phát Triển Nông Thôn.

Trưởng Đoàn Văn nghệ là Nhạc sĩ Nguyễn Phụng, Giám Đốc Trường Quốc Gia Âm Nhạc. Ông Nguyễn Văn Giảng tức nhạc sĩ Văn Giảng là Giám Đốc Nghệ Thuật và điều hành, Thiếu Tá Tạ Ty, Giám Đốc Kỹ Thuật.

Phái đoàn gồm các nghệ sĩ Hữu Ba, Kim Xuân, Kim Thu, Xuân Trang, Xuân Dung, Hoàng Thi Thơ, Hoàng Long, Trịnh Toàn và đoàn Ba Vũ ở Huế.

Chương trình trình diễn gồm hai phần với các bộ môn, vũ điệu cổ truyền của triều nội Huế và dân vũ Trống Mè Linh.

Theo chương trình sau buổi trình diễn «Ngày Việt Nam» tại hội chợ Osaka vào ngày 10 tháng 8, các nghệ sĩ thuộc Văn Phòng Quốc vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa và Bộ Phát Triển Nông Thôn gồm 65 người

sẽ trở về Saigon. 35 nghệ sĩ thuộc Tổng Cuộc Chiến Tranh Chính Trị sẽ ở lại trình diễn tiếp cho đến 18 tháng 8.

NHƯNG CÒN CHUYỆN NÀY ?

Phái đoàn văn nghệ VN đã lên đường trình diễn tại hội chợ Quốc tế Osaka. Có điều người ta không ngờ là lúc lên phi cơ người cầm đầu không phải là ông Nguyễn Văn Quyền, Giám đốc Nha Mỹ Thuật phủ Quốc vụ Khanh Đặc trách Văn hóa và nhạc sĩ Nghiêm phú Phi Giám đốc kỹ thuật.

Sao lạ vậy hồng biết nữa ?

Trước đây thì 2 ông này đã được giao phận sự hướng dẫn đoàn văn nghệ đem chuông đi đánh xứ người nhưng lúc mang chuông đi thì lại là 2 ông khác. Ông Nguyễn Phụng và ông Văn Giảng.

Thật là chuyện lạ !

Người ta lấy làm nghi ngờ về một sự gọi là "phe đảng" chăng ? Hay gì mà dành bỏ lại 2 nhân vật có khả năng để thay vào hai nhân vật khác. ? (TS)

Với mục đích loan tin trung thực. KH. xin đưa ra luận dư luận trên đây, để đọc giả xem cho biết. Kỳ dư KH. không bình bên nào và bỏ bên nào, trái lại còn tin tưởng rằng những người làm văn nghệ làm gì có chuyện bè phái trong đó. Chắc là rắc rối chỉ đây ?

MẠC PHONG VÂN VÀ ĐÊM THƠ QUẢNG NGÃI

Hôm 2-8-70, từ Saigon Thi sĩ Mạc Phong Vân đã cùng một số thân hữu bay ra Quảng Ngãi—một thị trấn heo hút miền địa đầu giới tuyến—để tổ chức một đêm đọc thơ Chiến Tranh và hát nhạc Tình Sầu, địa điểm là quán cà phê nghèo nằm gần Bình Lai. Đây là buổi họp mặt Văn nghệ nhằm thực hiện những công tác du ca, đồng thời để thắt chặt tinh thần giữa anh em Văn nghệ sĩ miền tỉnh lẻ.

Mặc dù đêm họp bạn được hình thành một cách vội vã và dưới cơn mưa dầm, nhưng cũng đã thu hút khá nhiều anh em Văn nghệ sĩ địa phương và những người yêu thơ nhạc đến tham dự.

Đêm văn nghệ tương đối thành công qua những bài thơ phản kháng chiến tranh tàn khốc, cùng một số bài hát của Phạm Duy — Trịnh Công Sơn — Vũ Thành An — Tôn Thất Lập — Miền Đức Thắng...

Sau Quảng Ngãi, anh Mạc Phong Vân còn dự định sẽ tiếp tục hành trình đến những vùng xa xôi heo lánh khác và sẽ tổ chức những đêm họp bạn tương tự.

Ngoài ra trong năm này, Mạc Phong Vân còn dự định trình làng một tập thơ ưng ý nhất mang tên là Hồng Phấn và Hòa Bình Việt Nam sách sẽ do Yên Bằng vào đề, bia và phụ bản của Tiên, Sinh Lực Mới xuất bản. Đạo này Thi sĩ Mạc phong Vân hoạt động coi bộ hăng sai quá.

LẠI ĐÍNH CHÁNH

Số rồi Khởi Hành đã đính chánh lại đính chánh sai Kỳ này xin nói lại thật rõ :

Trình Bày của Thế Nguyên và Thái Độ của Thế Uyên

Xin 2 nhà văn Thế Uyên và Thế Nguyên thông cảm cho một lần sai và hy vọng lần này hết sai.

THI DƯƠNG CẨM

Cũng trong câu chuyện nhạc, Trung tâm Văn hóa Đức tại Saigon với sự hợp tác của trường Quốc gia Âm nhạc sẽ tổ chức một buổi thi dương cầm vào ngày 11.10.70, nhận dịp kỷ niệm 200 sinh nhật của nhạc sĩ Beethoven.

Cuộc thi đặt dưới sự bảo trợ của Phủ Quốc Vụ Khanh đặc trách Văn hóa và dành cho các nhạc sĩ dương cầm tài tử hay chuyên môn có Quốc tịch VN.

Các nhạc sĩ muốn dự thi phải nộp đơn theo mẫu có tại trung tâm Văn hóa Đức, trước ngày 1-10-70.

VIỆT NAM TỔ CHỨC TRIỂN LÃM HỌA PHẨM TẠI HÁN THÀNH

Đề giới thiệu nền văn hóa nước nhà và kết chặt tình hữu nghị với Đại Hàn Dân Quốc, Bộ Ngoại Giao sẽ tổ chức một cuộc triển lãm mỹ thuật Việt Nam tại Hán Thành vào thượng tuần tháng Mười năm 1970.

Cuộc triển lãm sẽ mở rộng cho các nghệ sĩ Việt Nam không hạn tuổi và xu hướng nghệ thuật, do đó Phủ Quốc Vụ Khanh đặc trách Văn Hóa mời toàn thể họa sĩ hướng ứng đông đảo.

Tác phẩm phải gửi đến Nha Mỹ Thuật chậm nhất là ngày 10-9-70 kèm theo một bức ảnh và tiểu sử văn tắt để tiện in quyển mục lục triển lãm. Mỗi tác phẩm cần ghi rõ tên họ, đề tài và trị giá bằng Mỹ kim.

Một Ủy Ban sẽ được thành lập để tuyển chọn tranh gửi đi triển lãm. Về chi tiết có thể liên lạc với Nha Mỹ Thuật số 8 Nguyễn Trung Trực Saigon hay điện thoại 92.796. Δ



ĐẶNG TRẦN HUÂN

PHI LUẬT TÂN SẮP CÓ GIẤY IN BÁO

Vấn đề giấy in báo là một vấn đề nan giải cho nhiều quốc gia Á Châu. Nước bạn Phi Luật Tân kỹ nghệ cũng khá lắm, được nước bạn Hoa Kỳ giúp đỡ kỹ lưỡng, độc lập từ 22 năm nay rồi mà cũng chưa có giấy journal để in báo, vẫn phải nhập cảng từ ngoại quốc mãi đến bây giờ, Công Ty Kỹ Nghệ Giấy Phi Luật Tân (PICOP) mới loan báo là sẽ sản xuất giấy in báo ngay trong xứ với những dụng cụ nhập cảng từ Nhật Bản.

Và tờ giấy đầu tiên do Phi Luật Tân sản xuất lấy sẽ được xài trên thị trường vào cuối tháng sáu sang năm.

Khi đó hẳn là báo chí Phi khởi sợ thuế kiểm soát đánh vào giấy nhập cảng nữa Kdù rằng hi có một kinh tế gia tài ba như ông Phạm Kim Ngọc.

QUYỀN TỰ DO NGÔN LUẬN

Bất cứ ở nước dân chủ nào, quyền tự do ngôn luận cũng được tôn trọng. được pháp luật bảo vệ. Nếu quyền tự do ngôn luận không được tôn trọng thì là nước kém văn minh rồi.

Báo chí còn được tự do viết ra những điều mình nghĩ cho cả

triều người xem thì những cá nhân càng có quyền tự do tuyên bố những điều mình khoái hay là không ưa.

Tuy vậy, nói những điều mình khoái thì không cần hệ lụy vì anh thích cái gì thì kệ xác anh, nhưng nói những điều mình ghét thì nên đề dặt. Pháp luật không làm gì, nhưng coi chừng áp lực của những người bị chế.

Mới đây tại Mỹ một ông bác sĩ cũng đã là nạn nhân của quyền tự do ngôn luận. Ông Edgar Berman, bác sĩ riêng của ông Hubert Humphrey, trong một buổi họp Ủy Ban Kế Hoạch Ưu Tiên Quốc Gia đảng Dân Chủ đã nói với bà nữ dân biểu Patsy Mink rằng theo ông nghĩ thì đàn bà không thể làm Tổng Thống được. Ông bác sĩ cho rằng những điều kiện tâm lý và sinh lý đặc biệt của người đàn bà chỉ cho họ có thể làm tới một chức vụ nào đó thôi đừng làm cao quá. Rồi ông nói toạc ra rằng những kỳ kinh nguyệt và thời kỳ tắt kinh làm cho đàn bà thay đổi tính tình sẽ có những quyết định bậy bạ.

Bác sĩ Berman nói, — Tôi ví dụ nếu một người đàn bà đã tắt kinh mà làm Tổng Thống khi gặp những vụ rắc rối như vụ Vịnh Con Heo, vụ Nga tiếp tế hỏa tiễn cho Cuba ắt hẳn sẽ có những quyết định thiếu sáng suốt.

Lời tuyên bố của ông bác sĩ, làm Hoa Thịnh Đốn sôi nổi, phụ nữ bất bình.

Nữ dân biểu Mink nổi giận nhè ông Humphrey tấn công. Bà đòi ông sa thải bác sĩ Berman khỏi Ủy Ban Kế Hoạch Ưu Tiên Quốc Gia (Committee on National Priorities). Bà gọi bác sĩ là một kẻ cuồng, đã mang lý do kinh nguyệt ra để nhạo báng, khích bác phụ nữ.

Bà Betty Friedan, cựu chủ tịch Hội Phụ Nữ Quốc Gia (National Organization For Women) cũng kịch liệt đả kích ông Berman.

Nữ dân biểu Shirley Chisholm gửi thư riêng cho ông Humphrey đòi bác sĩ Berman từ chức. Ký giả Gloria Steinem cũng làm kiến nghị đòi như vậy.

Đau nhất cho bác sĩ Berman, là vợ ông phản đối ông. Bà trả lời nhà báo rằng "không biết nhà tôi có tuyên bố thế không, nếu có thì tôi cũng không đồng ý".

Tới ông Humphrey, thấy phe phái phụ nữ đông quá xá cũng ngán, nói rằng ông không bỏ nhiệm bác sĩ Berman, mà đó là trách nhiệm các bạn ông.

Tới xếp mà còn nói thế thì Berman sống sao nổi. Ông đành phải từ bỏ nhiệm vụ tại Ủy Ban Kế Hoạch Ưu Tiên Quốc Gia, nhưng vẫn còn lâu bầu tuyên bố rằng đàn bà kỳ cục lắm.

Đây là ở nước Mỹ, mà hành sử quyền tự do ngôn luận, còn bề nổi bánh mì vì áp lực.

Ở nước ta thì có lẽ áp lực còn mạnh nữa. Gương báo Văn với vụ gái Huế còn sờ sờ ra đấy. Gương báo Sống và luật sư đoàn cũng còn sáng lắm.

Vậy thì hành sử quyền ngôn luận cũng nên ngó trước nhìn sau. Đoàn thể nào đang mạnh, đang hưng hăng thì đừng mủi dề. Đoàn thể nào đang yếu, đang lụi xụi thì có thể nói thực được nhưng lại mang tiếng là hèn.

Khó thế !



SÁCH BÁO MỚI

THỜI THUƠNG.— Truyện dài của Mai Thảo, Cối Sơn xb, bìa của họa sĩ Duy Thanh. 350 tr. Giá 300 đ.

Tác phẩm thứ 20 của nhà văn uy tín nhất hiện nay. Mời quý bạn đọc đón đọc bài phê bình trên Khởi Hành và trên Tiền Tuyến trang Văn Học Nghệ Thuật (chủ nhật) một kỳ tới.

CHÂN DUNG CHÀNG NGHỆ SỸ TRẺ.— Bản Việt Ngữ của các giáo sư Đỗ Khánh Hoan và Nguyễn Tường Minh, dịch A Portrait of the Artist as A Young man của James Joyce. Hoàng Hạc xb. Dày trên 400 tr. trình bày công phu.

Hình ảnh một người trẻ tuổi chán chường mọi quan niệm, luôn luôn bị khát vọng sáng tạo dấy vò. Một tác phẩm cần được đọc. Dịch giả uy tín.

NHÌN LÊN NỖI BUỒN.— Thơ Chu Thụy Nguyên. Rouéo.

Khởi Hành

TUẦN BÁO VĂN HỌC NGHỆ THUẬT RA NGÀY THỨ NĂM • CHỦ TRƯỞNG HỘI VĂN NGHỆ SĨ QUÂN ĐỘI • GIẤY PHÉP XUẤT BẢN SỐ 3581BT/BC NGÀY 26.3.69 • TÒA SOẠN VÀ TRỊ SỰ 225.227 PHẠM NGŨ LÃO SAIGON ĐT : 25.863

Chủ Nhiệm, Chủ Bút
ANH VIỆT
TRẦN VĂN TRỌNG
Phụ Tá Chủ Nhiệm
HY VÂN
Thư ký Tòa soạn
VIÊN LINH

Bộ Biên Tập Thường Xuyên
TÔ KIỀU NGÂN • LÊ ĐÌNH THẠCH • HOÀNG NGỌC LIÊN • ĐẶNG TRẦN HUÂN • NGUYỄN H. THÔNG • DƯƠNG TRỮ LA
Và
NG. HỮU NHẬT • LƯU HUỖNH TRUYỀN • NGUYỄN HẢI CHÍ

Trình bày bìa và ruột
VIÊN LINH

Thư từ ngân phiếu đề tên Chủ Nhiệm • Bài vở đề tên Thư ký Tòa Soạn • Giá 20đ. mỗi số • Công sở giá gấp đôi.

Bài vở gửi cho Khởi Hành xin miễn gửi cho báo khác, và ngược lại • Tòa soạn không trả lại bản thảo đã có lời yêu cầu.

HÒA ĐỒNG VỚI NGƯỜI TRÊN SÂN KHẤU

Tưởng "Oh ! Calcutta", một tưởng ca vũ nhạc khóa thân rất táo bạo sau nhiều tháng trình diễn tại Hoa Kỳ đã bắt đầu được diễn tại Luân Đôn, thủ đô Anh quốc.

Rất nhiều tài tử tới xem buổi diễn đầu tiên ở thủ đô Anh đã nghĩ rằng cần phải ăn mặc hở hang một chút cho hợp với khung cảnh trên sân khấu.

Vì vậy trong hàng ghế khán giả, ta đứng ngạc nhiên khi thấy Barbara Windsor mặc một cái mi ni rộp trong suốt như giấy bóng hoặc Bernadette Milnes mặc một bộ đồ gần như không có gì cả. <https://jeulun.hopto.org>

CÓ một buổi chiều nào đó, hình như trời bắt (chợt mưa giông, và bầu trời trên Thành nội, mây u ám và xám xịt, tối và buồn, vì cơn mưa đã đuổi chúng ta vào phòng, đã ngồi đối diện trước chiếc bàn con, bằng gỗ quý. Bàn mặt chiếc áo rộng thùng thình, còn dính những vết sơn màu, chiếc quần jeans màu nâu nhạt. Gương mặt bạn đều gây hao, trong ánh sáng le lói của buổi chiều sắp dứt, lại càng hao gãy hơn. Bạn cúi xuống hỏi :

— S., liệu ở trong đây, bảo đảm cuộc sống của mình không. Mình cần một chỗ để thở, để làm việc. Mình còn tương lai, còn cuộc sống, mình còn bao nhiêu năm để làm nữa. Chẳng lẽ cứ sống mãi thế này..

Bạn nhìn ra ngoài khung cửa. Mưa gió tạt bên ngoài hành lang. Khu vườn hoa nom tối thẫm hơn. Trên sân, có những cánh hoa rụng tới tấp, lác đác trên bờ gạch vàng rêu... Và xa hơn nữa, là những hàng dừa xam nhạt, là hàng rào kẽm gai vây quanh, và cách con đường kia, là bờ thành cao, buồn bã. Có điều gì u uất trong lòng tôi, giữa sự vắng lặng, tịch mịch thế này. Tôi nhìn đôi mắt bạn. Một đôi mắt u uẩn vô chừng :

— Tôi có quen một vị linh mục. Ông là hiệu trưởng của một trường trung học. Để tôi về nói với ông. Anh có thể dạy vài giờ.

— Ngôi trường đó ở đâu ?

— Cảnh biển và núi..

— Chao ơi đẹp quá.

Và bạn nhìn vào không gian xa vắng. Biển, núi, quê hương, mời gọi chúng ta đến. Sóng vỗ, mặt trời và đêm trăng mời gọi ta về. Ta không còn bận bịu,

lại xa, lại trốn bỏ. Trong thời buổi chiến tranh, mỗi người con trai đều là những đứa con hoang, tội nghiệp.

Và bạn đã nhìn đắm chiều trong màn mưa bay ảm đạm đó.

— S. phải giúp mình. Mình phải đi. Mình phải tự do vẽ, tự do viết, mình phải sống không bận bịu lo âu, không kỷ cương, không ước lệ. Mình phải thoát khỏi bốn vách tường, với khuôn hiệu, truyền đơn nhảm chán. Bạn nhìn tôi, nói như khóc :

— Mình chỉ cần cái phòng nho nhỏ, gạch bánh mì, để sống, để vẽ. Mình có thể đi tu luôn... Đó là niềm sung sướng nhất cho mình. Vẽ, mình sẽ vẽ... ước mong mình mỗi năm, sẽ trình bày một phòng tranh...

Và bạn đã dắt tôi vào, căn phòng ảm tối đó. Bạn sống âm thầm ở đây, bế bộn những tranh màu, những ống thuốc vẽ, những quyển sách thơm mùi mực, đầy óc não của các người xưa, và các người đi trước. Ở đó, Văn gòch đã để lại, trong cuộc đời bị dấn trên một củ lao cô độc nhất, ở đó Bethoveen đã sống và chết vì âm thanh con tim và vũ trụ, ở đó, là Tolstoi, tác bạch phơ, ngã xuống trong nỗi đơn của cuộc đời người... Tôi đã đứng yên, trong bóng mờ rét lạnh. Tôi đã thấy rõ ý nghĩa của nghệ thuật và cuộc sống. Phải chăng, không còn gì tồn tại vĩnh cửu, ngoài trừ nghệ thuật, ngoại trừ công trình sáng tạo của con người.

BẦY giờ, bạn đã rời bỏ, để lên một miền cao. Bạn đã không về ngôi trường có căn phòng nhìn ra bờ biển. Bởi vì tôi không làm được điều tôi đã hứa. Không ai trong thành phố này hiểu

NÓI như thế có vẻ lơ mơ. Trong đời : nhà văn, nhà thơ nổi tiếng thế nào có một người mẹ, hoặc mẹ hình, hoặc mẹ tíe hoặc mẹ văn. Thế thì văn thi sĩ Đinh Hùng người mẹ có gì lạ ? Thêm nữa Đinh Hùng thời chiến lại là một người đẹp trai, đầu chải láng, nói dịu dàng, uyển chuyển dễ làm cho người ta n cảm ngay từ lần gặp gỡ đầu tiên. Một người : mười người mẹ, đối với Đinh Hùng là một chuyện thường. Nhưng nếu là chuyện thường, lẽ là p nói lên đây làm gì. Chúng tôi muốn nói tới một t yêu khác thường một chút, một tình yêu ngoài tưởng tượng của người ta, một tình yêu độc n vô nhị trong văn học sử.

Người yêu Đinh Hùng đến say mê, gần n cuồng dại đó là ai ? Một nữ sinh mê văn Đinh Hí "tháng mười hoa nở" có những câu đọc lên n một bài thơ :

"Từ bước khởi đầu nghĩa là từ 1945 tới 19 xin tạm gọi là giai đoạn giao mùa, chúng ta đã t nghe thấy những tiếng thơ đồng vọng, cùng m đọt lên từ bề mặt cuộc sống ; biểu hiệu của t thái xôn xao còn sống của những đọt di cư chưa l động, cộng thêm cả cái tâm trạng chưa bình th hĩa của toàn dân trong những ngày thời cuộc đ nhiều biến chuyển đột ngột".

Hay là của một quả phụ nào nằm nghiêng ở mùa thu xanhmè chàng thi sĩ trẻ lâm tuyến v mộng" đã viết nên những câu thơ bằng bạc mĩ thiên vạn cổ :

Sương khói tràn mi, bóng núi sâu,
Đêm tàn nghe thác cuộn lòng đau.
Hồn thơm hoa lá ngừng hơi thở,
Chuyến gió đời cao xuống lũng sâu.
Mùa hủ ngàn lau, vượt ngọn đào,
Gió lùa hốc đá, suối trào theo
Khúc ca huyền bi sơn thần dậy
Hoa tiếng nghìn xưa ngọn lửa reo,
Ta mê tiếng vọng sâu muôn kiếp,
Chim núi cầm canh, hoảng gọi bay.
Nếp mặt hoa rừng, mưa giã ngủ,
Ngân thương, mái tóc sỏa như mây.

Hay đây là một chiến sĩ quốc gia "đã góp p xây dựng Đất Nước từ những ngày còn sống tới Mùa Hoa Tháng Mười đầu tiên" mê nhà thơ nói lên nỗi lòng u uẩn của mình :

Các anh, lớp lớp hồn thanh niên,
Truyền máu trung kiên hồng mạch đất
Anh ngủ không say, nằm chưa yên,
Lũy tre bông dựng chuyền mình sắt !
Từng xóm, từng thôn vừa nổi dậy.
Khắp nẻo sông hồ, anh có mặt,
Anh đi, tan hết niềm oan khiên
Mùa hoa lại thắm, anh cười ngất.

Ai cũng có thể mê văn Đinh Hùng, mê "Tao Đàn" mà anh phụ trách nhiều năm trên phát thanh Saigon, nhưng tất cả những người đều không phải là người tôi muốn nói.

Người mẹ Đinh Hùng là một chàng trai c đẹp, cũng lứa với Đinh Hùng, một nhà thơ ăn n diêm dưa, có mớ tóc thủy ba, một văn nhân đã n những "truyện ngắn — tùy bút" mà Vũ Ngọc Pi đã phải ca ngợi là những bài thơ bằng văn s được nhiều nữ sinh yêu dấu với những câu t tình tứ mang mang, đại khái :

"Hôm nay lạnh, mặt trời đi ngủ sớm"
hay :
"Anh nhớ bóng, anh nhớ hình, anh nhớ tiếng"
"Anh nhớ em, anh nhớ quá, em ơi !
Đúng rồi ! Người đó chính là Xuân Diệu.

Nhưng tại sao Xuân Diệu lại mê Đinh Hí đến mức quá độ như thế ? Chúng ta phải biết Đ Hùng là người như thế nào.

TRẦN HOÀI THƯ



KINH THÀNH CŨ

không còn lo âu.. Sự sống đâu có phải mỗi ngày chém giết, tranh dành nhau như thế này. Sự sống đâu có phải đối diện với một ám ảnh ghê rợn như thế này. Có hồn không hồn, những người trẻ tuổi Việt Nam. Hãy mở cửa sổ, ngôi trường có hàng rào phi lao, cạnh bờ biển. Mỗi đêm, khi thức dậy ta có thể nghe tiếng sóng biển rì rào, và nhận ra con trăng sáng, lung linh trên một vùng mệnh mỏng trời nước. Hãy mở cửa sổ văn phòng trên lầu thượng hứng vào gió biển đêm, và âm thanh ngàn thơ xa vắng, gió biển, và đêm. Hãy lấy gió vẽ, đặt vào nơi trăng chiếu, có màu trắng cổ thêm, có màu xanh xao như màu da của thiếu phụ.

Bạn nói như khóc :

— Thế nào tôi cũng phải rời bỏ thành phố này. Huế đối với tôi, như một người tình. Huế sẵn sóc tôi, Huế an ủi tôi, Huế làm tôi vui buồn, đau khổ. Huế mang tôi hơi thở, mang tôi hơi lạnh, hơi ấm. Huế đem vào con tim tôi bao nhiêu điều yêu dấu nhất. Tôi lớn lên ở Huế, tôi có nhiều người thân yêu ở Huế... Nhưng tôi phải rời bỏ hết để trốn chạy...

Và bạn đứng lên, đi về phía khung cửa. Bức tranh vẽ một thành phố đồ nát, nhưng ngôi nhà hoang tàn, những vết đạn loang lổ, những đồng gạch vụn đổ nát, chất ngầu sâu mây, những xác người đã gục dưới lớp cỏ xanh um. Và mặt trời đỏ máu, và con trăng đỏ huyết và tiếng chó đoi tru lên... Bức tranh kia, là con đường mười tám, bên bờ sông xanh lơ, dập dềnh những hàng phượng đỏ thắm, dập dềnh những lá ao trăng học trò, và nghe hàng nào nức như những nhịp guốc điệu dàng lướt trên vỉa hè. Một khoảng trời mây trong sáng, đôi mắt người tình như đôi hạt nhãn long lay lay, em trở về trong mưa đầu mùa, hồn ấp ửng tình yêu của tuổi học trò hay mơ mộng em trở về, với chiếc nón bài thơ, nghiêng nghiêng thẹn thẹn con gái Huế, tôi phải xa. Huế thành phố của thuở học trò quần xanh áo trắng, Huế của lòng tương tư kẻ đứng bên n cầu, một sáng sương muối mênh mông trời nước. Huế và những cơn đó, đã ngủ muộn chiều chán và dậy trưa vương vương khỏi một mùng. Như vậy, chúng ta

chúng ta, thương chúng ta, giúp đỡ chúng ta. Chúng ta là những người con hoang.. ôi những con ngựa hoang của một thời nội chiến. Những ước mơ, những hoài vọng, những nỗi áp ú của một thời thanh niên.. Buồn thanh niên đứng co ro phổ dài (thơ V.L) Tôi đã bắt lức, tôi không làm gì hơn với mỗi ngày chấp chờn một viễn ảnh đen tối. Tôi đã bỏ Huế như bạn đã bỏ. Nhưng than ôi, tôi là một kẻ lưu đày. Còn bạn, bạn cho tôi được cúi đầu xuống : bạn là một người đầy can đảm, đầy nghị lực.

Huế, còn gì bây giờ đây. Những thằng con của kinh thành cũ, bây giờ đã lưu lạc mọi nơi rồi. Thời rồi, những ngày bão bùng của một thời cách mạng. Những hàng chữ đỏ máu, nguyệt nguyệt trên bức tường vôi, những giọt mồ hôi, của anh của chị. Kẻ thù ta đâu có phải là người những người mẹ tóc bạc phơ, gánh những gánh bún, những chị bán hàng cho những rổ cam, những em gái, thêm những chiếc khăn dây tình thân ái.. Huế, có còn những đêm chúng ta cùng ngồi lại, trong ngôi chùa hoang, hát lên những bài ca dân tộc. Ôi, còn những giọt mưa trên lá, nước mắt mẹ già. Vang lên, nức nở khi chúng ta về nhìn lại một quê hương. Ôi, niềm tự hào của chúng ta, khi đứng trên lan can của trường Khoa học, nhìn đoàn người đi, cò xi bịt bùng.. Và Huế, Huế, của đồ võ, điệu tàn, của câu gảy, của hồ chôn, của xác người, của kinh thiên động đất, của đại ca nông, của bom lửa, của đạn AK, của giai phóng, của tự do.. Huế, chúng ta bỏ đi. Bỏ hết đi cả. Con trai, đi đánh giặc. Con gái, về thành phố xa, làm di, làm tình nhân, làm vợ, làm số Mỹ, làm ca si, làm.. Các em về, chạy trốn Huế rồi. Các anh đi, trốn bỏ Huế rồi. Các năm mờ đã xanh màu cỏ, những nỗi đau thương đã vơi đi chút nào rồi. Họa chăng, có giọng sông ngân đôi lặng yên kia, mỗi lần một kẻ trở về nhìn xuống giêng sông, thấy lại những dòng nước mắt. Ở đằng xa, lũ quạ đen chấp choạng gọi hồn.

Bây giờ, chắc bạn đã vẽ được nhiều bức tranh. Tôi bỗng nghĩ đến một người họa sĩ trẻ, lặn dấn lao đao ở chốn quê người. Một căn phòng nhỏ, những ngày rách nát, và còn gì nữa, do cuộc đời của những con ngựa hoang. Bây giờ, bạn, người nghệ sĩ chân chính, chúc bạn đầy đủ nghị lực để lên đường. Δ



BIẾT NHAU TỪ VU ĐÌNH THỊ TUYẾT HỒNG

TÔI biết Đình Hùng từ lúc còn đi học. Anh học một trường, tôi học một trường khác nhưng một sự tình cờ đã khiến cho chúng tôi được biết nhau. Lúc ấy, anh ở với gia đình ở Khâm Thiên. Nhà tôi có họ với nhà anh, thường thường vẫn đi lại, không thân lắm mà cũng không sợ. Riêng tôi, không bao giờ đến thăm hai ông bà sinh ra anh. Tình cờ một người bạn tôi là V.A.Đ lại có lòng yêu một người chị của Đình Hùng lúc ấy có tiếng là một cô gái đẹp tân tiến, yêu đời: Đình thị Tuyết Hồng. Dạm mặt. Ăn hỏi. Rồi cuộc hôn nhân thành tựu: Đình thị Tuyết Hồng bước lên xe hoa về làm dâu nhà họ V. lúc ấy ở một căn nhà nhỏ bé ở đường Hàng Trống (căn nhà lớn ở Hàng Gai vì buôn thùa bán lỗ đã sang tay người khác).

Bây giờ, ngồi viết lại câu chuyện này, tôi dần dần nhớ lại và tự hỏi nhiều lần không biết có lỗi với bạn còn sống và bạn đã chết rồi không, nhưng tôi tự an ủi mình một điều là lúc ấy báo chí đã làm rùm beng vụ này rồi nếu nay có thuật lại thì cái lỗi ấy cũng không phải là không tha thứ được. Vây, tôi cứ nói. Đình thị Tuyết Hồng về nhà chồng được một đêm thì sáng hôm sau đi mất. Vài giờ sau, cả Hà nội đều biết một cái tin động trời: Tuyết Hồng đã trẫm mình ở Hồ Trúc Bạch. Người con gái đẹp ấy chán đời vì vợ mộng. Nguyên lúc đó, vẫn học nước ta bắt đầu nếm cái phong vị lãng mạn qua những bài thơ dịch như: «Le Lac», «Grazie!», «Chatterton», còn văn sáng tác thì trai gái khóc cứ như mưa như gió với những chuyện «Tuyết Hồng lệ sử», «Dự chi thế», «Dự chi phu» và «Tổ Tâm». Chính lúc này là lúc trong nước phát động một phong trào tại hại «Phai cao đẳng bất thành phu phụ» chủ trương con gái phải lấy học trò trường cao đẳng ngoài ra các con trai khác đều là tép riu. Đình thị Tuyết Hồng chính là nạn nhân của phong trào đó.

Hôm đưa đám cô Đình thị Tuyết Hồng tôi gặp Đình Hùng lần đầu tiên. Phải nói rất thành thực rằng cuộc tiếp xúc nguyên thủy đó không đem lại cho tôi một cảm tình gì đặc biệt: Tôi không thú lắm cái vẻ mặt lạnh lẽo của anh, thêm nữa lúc đó Đình Hùng lại để hai cái tóc mai dài quá mức dưới tóc ra như liễu chân voi, tôi không chịu nổi. Tuy nhiên ngay từ buổi sơ đầu ấy, tôi nhận thấy rằng Đình Hùng là một chàng trai đẹp, đẹp một cách văn nhân, tuấn tú, nhưng tôi chỉ nhận thấy có như thế mà thôi, ngoài ra không có cái gì làm cho tôi nhớ nữa. Mãi đến gần khi tôi làm «Tiểu Thuyết Thứ Bảy» tôi mới lại gặp Đình Hùng, lần đó anh đến báo quán ở 93 phố Hàng Bông biểu một quyển sách anh trước tác nhan đề «Đám ma tôi». Tôi giới thiệu bình thường. Suốt trong thời kỳ tiền kháng chiến, Đình

VU BĂNG NGƯỜI MÊ ĐÌNH HÙNG

Hùng và tôi chỉ biết nhau qua mấy câu chuyện xã giao, không hề cộng tác với nhau trên báo nào mà rất có thể chúng tôi lại «không hợp» nhau, nhưng trước sau cả hai đều không ai, nói đến ai. Như thế cho đến khi chiến tranh Việt Pháp bùng nổ, hầu hết các nhà văn nhà báo có đôi chút tâm hồn đều ra bên ngoài kháng chiến.

MẾN NHAU TỪ MỘT HỘI NGHỊ VĂN HÓA

ĐA SỐ anh em kháng chiến chống Pháp đến bảy giờ tâm sự với tôi đều nhận rằng kháng chiến có một sức thu hút kỳ lạ làm cho đồng bào thương yêu nhau và dễ tha thứ cho nhau hơn lúc ở thành với nhau. Ở Thanh, bao nhiêu chuyện tức bực giữa Nguyễn Tuấn, và tôi đều si sưa; tại Thái Nguyên, Ngô Tất Tố tha hết tội lỗi trước của tôi và rủ tôi đi ăn phở vịt, còn Đình Hùng, ở Sở Kiên, gặp tôi khoảng cuối đông 1947 đầu 1948, chúng tôi tay bắt mặt mừng, truyện trò vui vẻ, khác hẳn lúc còn ở Hà thành. Tự nhiên, Đình Hùng đối với tôi là một người rất đáng yêu: anh nói nhiều mà truyện trò thú vị lắm, cười mở lòng ra với nhau không dấu diếm một ly gì. Đến lúc ấy tôi mới biết Đình Hùng hơn một chút: anh đã bỏ được cái tính tự thu mình vào một thế giới riêng như con ốc thu mình vào trong cái vỏ và nhận rằng đời sống quý mớ ở ngoài xã hội có nhiều cái thú lạ kỳ. Cũng mãi đến tận khi đó, tôi mới biết là Đình Hùng nghiện thực thụ (trước đó tôi cứ tưởng là anh hút chơi) nhưng khác với nhiều bạn ghiền hút khác, anh uống rượu cũng ghê. Ngoài ra, có cái gì gọi là ma túy, gọi là «tệ đoan xã hội», anh cũng đều ham hết, cũng như Nguyễn Tuấn «uống rượu thì uống hết cả cái cần mới là đã đấy».

Dự cuộc thi đua luyện quân lập công kỳ đó xong rồi, Đình Hùng và tôi về Chợ Đại, nằm lẫn ra đất ngủ rồi giấy uống rượu thực say, ăn bánh lọc chấm nước mắm chanh ớt. Rồi từ biết nhau, một đứa về Chợ Đàn, một đứa đi Khu Tư. Sau đó ít lâu, tôi nghe thấy nói Đình Hùng về Thái Bình dạy học với Vũ Hoàng Chương ở làng Quốc và nghe đầu Minh Đức (nhà xuất bản) có tổ chức Hội nghị Văn hóa Kiên khu Ba, cả Đình Hùng, Vũ Hoàng Chương, Vi Huyền Đắc đều có thuyền đến đón trên thuyền có bàn đèn thuốc phiện đang hoàng...

Lúc này, Đình Hùng hút đã nặng nhưng người anh vẫn mạnh. Đặc biệt nhất là dù cái giường hút của anh bừa bãi, tối tăm và dơ dáy, mỗi khi Đình Hùng đi đâu, anh cũng rửa mặt chải đầu cần thận và ăn mặc sạch sẽ, dễ trông. Thành ra nhận xét

đầu tiên của tôi lúc mới gặp Đình Hùng tương đối bất di bất dịch: anh là một chàng trai đẹp, đẹp một cách văn nhân, tuấn tú. Đã thế, giọng nói lại uyển chuyển, lời lẽ lại văn chương, nên tôi không lạ là trong thời kỳ kháng chiến anh được nhiều người mến thương, trong đó có nhà thơ Xuân Diệu.

GẶP NHAU LẦN NỮA Ở KHÁ PHONG

TÔI gặp Đình Hùng một lần nữa ở Khả Phong, trên đường đi Suối Vàng tìm gặp Lê văn Trương lúc ấy đương phụ trách việc đãi vàng cho kháng chiến.

Lần này, câu chuyện giữa chúng tôi không đặt nặng về văn nghệ: chúng tôi cái báo cho nhau biết tin tức liên quan đến các văn nghệ sĩ ra sao. Làm cho tôi suy nghĩ nhiều nhất là một câu chuyện của một người bạn đường của Đình Hùng nói cho tôi nghe về Xuân Diệu: nhà thơ này không phải là... đàn ông như chúng ta vẫn tưởng!

— Ừa, thế thì anh ta là gái giả trai như Sở Văn sao?

— Đâu có phải. Anh ta là một thứ người kỳ lạ lắm. Tôi biết rõ như thế là vì có một nhân chứng nói cho tôi hay. Người ấy là Sao Mai. Thôi khỏi phải nói chi tiết cuộc hành quân lúc đó làm gì, nhưng tôi nhớ rằng chúng tôi về đến cái làng hẻo lánh ấy thì trời sắp tối. Anh em gồm có sáu bảy văn nghệ sĩ và kỹ giả gì đó thời cơm ăn rồi lấy mấy cái cánh cửa gỗ kê ra ngủ chung ở thêm một ngôi đình. Trong sáu bảy người đó, có Nguyễn Tuấn, Sạo Mai, Xuân Diệu và mấy người khác nữa (hiện còn sống ở vùng quốc gia không cần kể tên ra đây làm gì). Đến tà tà gần sáng, tôi đương ngủ bỗng thấy Sao Mai la lên kinh khủng. Một vài người thức giấc hỏi tại sao Sao Mai lại la lên như thế «có phải Táy nó về không» thì anh im lặng không trả lời rồi ngồi dậy, không ngủ nữa cho tới sáng. Sau này, về đến vùng Đề Phiến, gần hồi mai, tôi mới được biết đêm ấy Sao Mai đã bị Xuân Diệu «hãm»: nhà thơ này ôm lấy Sao Mai ghé vào tai mà hỏi: «Sao Mai ơi, anh có... yêu em không?». Và ôm lấy Sao Mai, y như thể một cô gái muốn bắt ép một chàng tra thương vậy.

— Thế thì Xuân Diệu là gái sao?

— Không hẳn thế. Theo lời các anh em đã biết nhiều về Xuân Diệu và đã được Xuân Diệu van xin một chút tình yêu thì Xuân Diệu không phải là một người «lạ cái», nhưng là một thứ «hec ma» (hermaphrodite) tức là một thứ người bán nam bán nữ, nhưng nặng về phần nữ hơn nam. Cái loại người này làm thơ ca tụng tình yêu, vì vút, mơ ba ngàn mỹ nữ cung tần ở thành nhà Hồ, nhưng thực ra có vút vào một đám mỹ nữ cũng không thấy động lòng; trái lại, oái oăm thay lại sức động mỗi khi gặp một chàng trai xứng ý.

Tôi không dám quả quyết một trăm phần trăm những câu chuyện loan truyền giữa anh em thời kháng chiến có hoàn toàn xác thực không; nhưng phạm ai đã sống với các anh em văn nghệ hồi đó đều đã nghe thấy nói đến nhảm tai mỗi tình «oái oăm» giữa Xuân Diệu và Huy Cận. Hai nhà thơ này yêu nhau y như thể vợ chồng trong bảy tám năm trời. Sau này, hai anh có ý nhạt nhau có lẽ là vì Huy Cận đã lấy vợ — mà người vợ ấy lại chính là em gái anh Xuân Diệu tên là Tuyết.

Bị mất người yêu, Xuân Diệu từ đó yêu cuồng dại. Một người bạn đi sát với hai anh (hiện giờ đang sống trong vùng quốc gia) quả quyết với tôi rằng Xuân Diệu mê say bất cứ chàng trẻ tuổi nào «dễ trông». Lại có một kỹ giả, không biết lấy tài liệu ở đâu lại tung ra mấy bức thơ của Xuân Diệu viết cho một sinh viên cực tả nổi lòng của anh

tiếp theo trang 12



ĐÌNH HÙNG VÀ MỘT NGƯỜI TRẺ

CÓ một độ tôi mê thi sĩ Đình Hùng lạ lùng nhất là tập *Mê Hồn Ca* thi phẩm có một không hai trong trường phái siêu thực ở VN. Những nhà thơ Siêu Thực ngày trước ít lắm; Chế Lan Viên, Hàn Mặc Tử, Bích Khê. (Tiếc vì Bích Khê thiếu chân tài mặc dầu có lẽ có tâm hồn thi nhân) Có người có tài mà chẳng thi sĩ chút nào. Có người viết không nên văn điệu mà tâm hồn rất thơ. Đến bây giờ tôi quên không biết Chế Lan Viên và Hàn Mặc Tử, ai đã chịu ảnh hưởng ai. Người nào lớn tuổi, người sau chịu ảnh hưởng. Hàn Mặc Tử có lẽ chịu ảnh hưởng của Chế Lan Viên, về dòng thơ Siêu Thực.)

Đình Hùng cùng giống Siêu Thực đó. Những ngày tháng say mê làm thơ đầu, tôi nhớ mình cứ ngâm nga thơ ông mãi với vài tên bạn.



VỚI ĐÀ KÍNH PHỤC ĐÓ, tôi đề *kính tặng* Đình Hùng ba tập thơ liên tiếp. Sau khi được thơ tặng, ông đem lên đài phát thanh cho ngâm nhiều bài và kèm theo lời phê bình... là tôi bị ảnh hưởng lung tung. Hồi tuổi háo danh, háo thắng... tôi bèn viết bài đã kích thật nặng ông ta.

Có lẽ tôi quên một điều, Đình Hùng là thi sĩ đi trước, đã nhận xét những người sau một cách hơi hợt, và lại bài viết cho thính giả đài Sài Gòn không phải là một bài nhận định cần thận đề đáng báo. Lúc đó tôi còn con nít quá.

Tôi giận ông, cũng như giận bất cứ một người nào không nhìn ra thơ mình. Như có lần tôi muốn gây với Thâm Thệ Hà tại tòa soạn *Phổ Thông* về bài ông viết về tập thơ đầu *«Thơ Trần tuần Kiệt»* của tôi.

Tôi quên những người đi trước thường nhìn qua lớp trẻ như nhìn một cái bóng của họ.



Điều này tôi cố gắng, thật cố gắng tránh đi với những người nhỏ tuổi hơn mình sau này.

MỘT THỜI GIAN SAU, có người báo vì Nguyễn Vỹ mà tôi *chửi* Đình Hùng. Đó là sai. Vụ đó vì bài ở đài phát thanh do Đình Hùng viết mà ra. Nguyễn Vỹ bị tai tiếng nhiều về vụ đó một cách oan uổng. Chính tôi xem bài của Đình Hùng viết tại Đài phát thanh, và tức tốc về viết bài đã kích ngay. Nguyễn Vỹ hồi đó làm báo *Phổ Thông* lên mạnh. Tôi đưa bài cho ông nhờ đăng, ông không muốn đăng bài đó.

Và, tôi đã lớn tiếng định gây cả Nguyễn Vỹ, ông có lẽ nhường tôi nên mới cho đăng bài nọ.

Khoảng chừng một thời gian sau, tôi có tìm Đình Hùng lúc đó ông ở lầu hai gần chợ Tân định. Tôi tìm không gặp, để giấy lại xin lỗi ông về vụ đáng tiếc do bài tôi viết trên *Phổ Thông*.

Rồi một lần khác tôi gặp ông, với một người bạn. Tôi và ông cùng người bạn nọ ngồi uống café ở góc quán đối diện với dãy nhà nơi ông ngụ. Trong nụ cười hài hòa của Đình Hùng, tất cả mọi bực dọc đều trút đi. Tôi thấy ông lại đáng quý vô cùng.

Và, tôi cũng thấy sung sướng vì trước khi Đình Hùng mất ông đã hiểu tôi hơn. Còn phần tôi, tôi đã kính nhường ông thêm một bước, ông đã vui lòng. Không có gì ân hận. Giờ đây tôi xin kính thấp nén lương thơ chỉ thành gửi đến linh hồn ông.

(Vẫn biết trên đời, những người làm thơ chẳng cần phải ghi chép những mẫu văn vật làm quái gì.....)

CHÚNG TÔI có thể chọn bất cứ nhà thơ nào, bất cứ bài thơ nào, để viết đề tài này. Sở dĩ chọn Đình Hùng là vì nhân ngày giỗ của ông là ngày 24 tháng 8, và cũng bởi vì Đình Hùng là nhà thơ sống hết lòng cho sự nghiệp thi ca, không phải nhà thơ kiếm văn sĩ như nhiều người khác. Mặc dù chúng tôi cũng quan niệm Thơ chỉ là văn chương ở hàng tuyệt diệu, nhà thơ hay nhà văn cũng là người gắn liền vào vũ trụ ngôn ngữ, nhưng kẻ bằng lòng làm văn chương ở hàng tuyệt diệu mà thời thì chỉ có một số ít, trong đó có Đình Hùng.



BÀI này đã động đến triết học, và dù viết chút ít về triết lý có lẽ độc giả cũng có ý nghĩ trước tiên đây cũng chỉ là tài liệu, từ nhà trường, kiến thức chết trong thư viện. Thật ra chúng tôi viết bài này căn cứ vào những tài liệu sống mới xuất hiện trong các tạp chí. Gọi là tài liệu sống bởi vì chúng là dấu vết của sự tương tranh trong sinh hoạt tư tưởng hiện nay, có liên quan đến lập trường văn nghệ của mỗi người. Chúng tôi xin đan cử ra hai bài báo. Bài *«Đặt lại vấn đề văn minh với Claude Lévi-Strauss»* của giáo sư Nguyễn Văn Trung (Bách Khoa số 222 và 223) có thể nói là một bài báo thuộc khuynh hướng đề cao tính chất luận lý mạch lạc của tư tưởng phương Tây, đánh đổ khuynh hướng coi thường hệ thống của triết lý hiện sinh, nhân khám phá của nhà khoa học Lévi-Strauss về cơ cấu luận lý chìm ẩn trong đời sống văn minh cũng như sự khai. Claude Lévi-Strauss kết luận người văn minh hay người sơ khai, người Tây phương hay người Đông phương, tất cả mọi người đều sinh hoạt tư tưởng căn cứ trên một lược đồ căn bản của trí tuệ con người. Người sơ khai cũng có hệ thống tư tưởng mạch lạc thiên về lý trí, nhưng hệ thống của họ khác hệ thống luận lý của người văn minh, chẳng hạn người văn minh tôn thờ sự tiến bộ nên thích sự đổi thay làm thành lịch sử, còn người sơ khai cố gắng loại trừ biến cố, để làm sao cuộc đời càng đứng yên càng hay và do đó ta gọi lầm lẫn họ là người man dã vì không có văn minh tiến bộ. Từ chỗ khám phá lược đồ luận lý trong toàn thể nhân loại, Claude Lévi-Strauss đi tìm cơ cấu luận lý chìm ẩn trong các chuyện thần thoại của người sơ khai. Cũng một chuyện thần thoại nhưng có nhiều cách kể khác nhau, và mỗi cách kể sẽ phơi bày cho ta thấy tính chất luận lý nằm trong hệ thống tư tưởng của mỗi dân tộc. Bài báo thứ hai là của giáo sư Ngô Trọng Anh đăng trong tạp chí *Tư Tưởng* của Viện Đại học Vạn Hạnh. (Số 6 năm 1969). Có thể nói bài báo này trái ngược với khuynh hướng đề cao luận lý mạch lạc, bác bỏ phương pháp khoa học đi tìm cơ cấu chìm ẩn trong thần thoại của Claude Lévi-Strauss: «Phương pháp để đi vào huyền sử chính thống là Thiên động và trí huệ đầy sáng tác chứ không phải bằng phương pháp phân tích cơ cấu bằng trí thông minh đầy kiến tạo. Phải thiên định mới có thể không tìm mà thấy những tương quan siêu hình Hoàng Cực hay trùng trùng

duyên khởi Hoa nghiêm trong cảnh hoa bồ-công-anh... Cái thiên tài của những tư tưởng giả vi đại cũng chỉ có nửa chừng. Giây phút thiên tài đã đến với Descartes khi y nhìn sấp của ngọn đèn mà thấy không gian trống rỗng, đã đến với Newton khi y nhìn tảo rơi mà thấy tương quan hấp dẫn của vũ trụ, và đã đến với Lévi-Strauss khi y nhìn hoa bồ công anh mà thấy cơ cấu ẩn tàng. Giá trị khoa học của những cái nhìn trên không quan trọng bằng giây phút sống Thiên của cái thấy, cái thấy đầy giá trị tâm linh. Chỉ có nghệ sĩ sáng tác và đạo sĩ tham thiền mới là thiên tài trọn vẹn, trọn vẹn vì họ mắc bệnh điên...» (Ngô Trọng Anh). Giá trị tâm linh đạt tới bản thể siêu hình kể trên có khi được coi như đồng hóa với tình cảm thuộc tâm hồn, và đề cao tính cảm hay trực giác như thể là đối nghịch với lý trí, đối nghịch với luận lý mạch lạc là cơ cấu căn bản của trí tuệ nhân loại mà Lévi-Strauss đã khám phá trong thần thoại học.

CHÚNG TÔI nhận thấy đề cao lý trí hay đề cao trực giác tâm linh một cách quá đáng là không đúng sự thật đối với người nghệ sĩ làm thơ; thi ca là một tổng hợp lý trí và tình cảm, luận lý và trực giác; thi ca là một triết lý hòa giải chứ không phải đối nghịch lý tính. Thi ca là bộ môn nghệ thuật sùng thượng từ xưa đến nay của dân tộc ta, tìm thấy triết lý tổng hợp của thi ca phải chăng là con đường hé mở cho thấy tư tưởng của dân tộc. Các học giả đi tìm tư tưởng dân tộc sẽ coi thi ca như một dấu vết truy tìm, cái gì một giống dân sùng thượng thì cái đó chắc chắn là linh hồn của giống dân ấy. Phân tích một bài thơ của Đình Hùng nhằm đi tìm một triết lý tổng hợp tình cảm và lý trí là chủ đích chính của bài này. Dân tộc nào lại chẳng có thi ca âm nhạc, nhưng hãy hỏi tại sao người da đen Phi Châu ham chuộng nhảy múa còn dân tộc ta lại ham chuộng thi ca nhiều nhất thế giới. Có thể nào đi tìm một hệ thống tư tưởng dân tộc mà chỉ căn cứ vào thi ca? Xin nhắc lại thí dụ chỉ coi như một dấu vết truy tìm chân lý của tư tưởng dân tộc mà thôi. Trước hết chúng ta hãy vạch ra cái phần lý trí trong diễn trình sáng tác của thiên tài Đình Hùng qua bài thơ *«Sông nước đồng chiêm»*. Cái phần lý trí đó phơi bày rất rõ ràng trong các

TỪ ĐỐI NGHỊCH LÝ TÌNH

ĐẾN TRIẾT LÝ TỔNG HỢP

bài của trần văn nam

bố cục và văn phạm sáng tạo của Đinh Hùng. Bài thơ mô tả sông nước mênh mang trên miền đồng chiêm trong mùa lụt, khung cảnh làm nền cho cuộc chia ly giữa tác giả và người yêu. Ngoại giới mênh mông của sông nước chỉ là một dịp dẫn trải sự nhớ nhung trên khắp chiều dài và chiều rộng. Tác giả đã bố cục rõ ràng qua ba phần chính: bốn câu thơ đầu là một ngoại giới vô ngã vì chưa có sự can thiệp của tình người, mười hai câu thơ tiếp theo cho xuất đầu lộ diện một nhân vật nữ mặc dù hình dáng của nàng đang thấp thoáng ra đi trong cảnh tràn đầy của mùa nước lớn, và hai mươi câu thơ sau cùng là vai trò của nhân vật nam bao trùm lên ngoại vật bằng nội tâm thương nhớ. Ngoại giới vô ngã, chuyển động của người đi, tình của kẻ ở, đó là trật tự của bài thơ, đã có trật tự sắp đặt thì không phải là cảm hứng xuất thần mà là sự can thiệp của lý trí. Đã tìm thấy một dấu vết của lý trí, bây giờ ta hãy truy tìm cái luận lý mạch lạc trong văn phạm sáng tạo từ ngữ của Đinh Hùng. Có thể nói tập thơ "Đường Vào Tỉnh Sử" của Đinh Hùng phơi bày một sự mâu thuẫn nội tại trong mỗi bài thơ giữa không khí mê hồn và khí hậu bình dị. Không khí mê hồn bắt nguồn từ tập thơ trước của ông mà ta có thể tóm tắt trong những chủ đề: Tiếng gọi tiền sử hoang vu có người rừng sống đời muông thú man dã, giấc mộng thần tiên có loài hươu sao vàng diệp và chim chóc đi tìm những sợi rong vàng bên suối, ca ngợi nữ sắc liễu trai trong lầu đài ma quái, thần chú gọi hồn thiên cổ trong mộ tởi của điều tàn phế tích Trung Đông... Khí hậu bình dị biểu lộ trong những bài thơ buồn nhớ bạn hiền, cảm hoài về phía quê hương, nhất là hơi thở ruộng đồng in bóng người yêu có thật trong cõi đời mà bài "Sông nước đồng chiêm" là một. Không khí mê hồn có những từ ngữ đặc thù làm nên, không khí bình dị có những ngôn ngữ đồng dạng cấu tạo, chúng làm thành những mối tương quan riêng biệt, người nào thích chiêm bao huyền ảo sẽ có cái hoàn toàn của những bài thơ mê hồn, người nào ưa mơ màng viễn mơ sẽ tìm được những bài thơ chỉ có khí hậu bình dị. Cơ cấu kiến tạo bằng những ngôn ngữ đồng dạng (để làm thành một thứ khí hậu) minh chứng một sự can thiệp của lý trí, lý trí chọn lựa những ngôn ngữ thích hợp cho bài thơ loại bình dị hay mê hồn.

Xuất thần là đột nhập hoàn toàn vào công trình sáng tác trong một lúc sáng kỳ diệu ngắn ngủi, còn lựa chọn từ ngữ là công trình dầm dề trước ngó sau của lý trí. Đinh Hùng đã dày công lựa chọn từ ngữ, nhưng đôi khi ông không tránh được sự mâu thuẫn nội tại trong mỗi bài thơ, chẳng hạn bài thơ "SND" thuộc loại có khí hậu bình dị nhưng thỉnh thoảng lại xen kẽ một vài câu thơ có khí hậu mê hồn. Từ ngữ mê hồn có nhiều tính chất, riêng bài thơ kể trên thì tính chất mê hồn nằm trong hình ảnh sự bạo động đối với thiên nhiên, tâm hồn con người muốn chuyển dời ngoại giới chứ không

đem tâm tình thỏa hiệp lên vạn vật. Con người hòa đồng với thiên nhiên thuộc không khí bình dị, con người muốn vượt chứng thiên nhiên thuộc khí hậu mê hồn. Trời và nước bị bắt buộc kể vai là lướt chớ không phải cộng với nhau thành một màu xám hay một màu xanh, dãy núi đá nhìn ngầy ngất hình bóng người ra đi một cách dục vọng chớ không phải thương nhớ trong vị trí đứng âm thầm, dòng sông nơi viễn thôn bị thấu hình vào khe mắt chớ không phải cái nhìn dãn trải một cách thỏa thuận trên dòng nước êm trôi, nhà cửa gối chần trời nổi rời rạc trong giấc chiêm bao nghiêng đổ sự vật: "Trời nước kể vai là lướt buồn, Từng cù lao nhỏ nép sơn thôn... Sông xanh tỏa bóng hàng mi rợp, Con mắt trao về nẻo viễn thôn... Em đi dãy núi nhìn ngầy ngất, Đá cũng si tình nhớ gót son... Giấc mộng đêm nào cũng gió mưa, Gối chần như hải đảo vô bờ, Sông dâng bốn vách sâu nghiêng bóng, Thoảng ngọn đèn trời ánh mắt xưa...".

Đó là những câu thơ có tính chất bạo động với thiên nhiên, chúng làm nên một cơ cấu mê hồn in đậm nét cái bản ngã đầy nhiệt huyết có khi tới cường độ bạo động của Đinh Hùng. Chúng là những từ ngữ, những giọng văn, không thể đồng dạng lẫn lộn với giọng văn hiền hậu và bình dị có tính chất thỏa thuận với thiên nhiên, khép mình thụ động mặc tình cho sự vật làm đổi dời: "Tình đến bên người núi chần ngang. Cả một mùa thu đã quá giang. Chiều lặng soi gương xót má hồng. Mộng vàng hoa mướp rụng ven sông. Dài thương mắt

nước mênh mang gió. Lòng bỗng trôi ra biển mây trùng..."

Dấu vết lý trí trong cách lựa chọn từ ngữ đồng dạng của tác giả không đạt tới chỗ hoàn hảo, một bài bình dị xen kẽ vài câu thơ mê hồn biểu lộ sự không nhất trí trong kỹ thuật hoàn thành bài thơ. Đọc giả có thể tìm thấy cái không nhất trí này trong các bài thơ "Khi mới lớn", "Gửi hương hồn Thạch Lam", "Thảo dã xuân tình"... Nhưng chính sự lẫn lộn giữa hai khí hậu ấy chứng tỏ Lý trí không làm chủ tình hình trong diễn trình sáng tác một bài thơ, tâm tình vẫn nhiều khi lấn lướt sự điều động xếp đặt của lý trí, như bài thơ "SND" đã in đậm nét cái nhiệt huyết làm đổi dời thiên nhiên của Đinh Hùng. Ngoại vật đảo nghiêng trong cơn mê sáng của nội tâm chỉ thích hợp cho những sáng tác "Mê Hồn Ca", không thích hợp thời kỳ bình lặng của tâm hồn trong "Đường Vào Tỉnh Sử". Kỹ thuật lệch lạc chứng tỏ cảm xúc xâm nhập bất thần, tác giả không làm chủ tình hình để mặc tình lựa chọn xếp đặt của lý trí, như thể một bài thơ vừa có phần lý trí trong cách bố cục, điều động vũ trụ ngôn ngữ, nhưng vừa có phần cảm xúc chỉ phớt ngấm ngấm hay đột ngột, đó là sự tổng hợp lý tính trong công trình sáng tác một bài thơ. Dù lời minh chứng cái chân lý tổng hợp lý tính của chúng tôi khá sơ sài, nhưng thiên tài Đinh Hùng đã sáng tác thơ như thế thì không còn đất đứng cho tác phẩm nào gọi là thuần túy xuất thần hay thuần túy vận dụng kỹ thuật. Δ

ĐINH HÙNG: SÔNG NƯỚC ĐỒNG CHIÊM

Loảng thoảng thuyền khơi vệt nắng chìm
Trùng dương về bạc khắp đồng Chiêm
Một vùng nhiệt đới in lòng nước
Tay với trời xanh, dưng cánh chim.

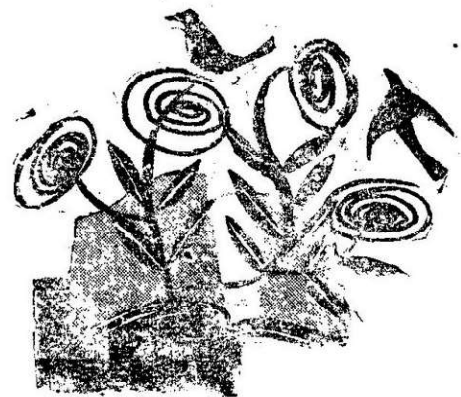
Trời nước kể vai là lướt buồn
Từng cù lao nhỏ nép sơn thôn
Em đi dãy núi nhìn ngầy ngất
Đá cũng si tình nhớ gót son.

Chưa khuất đầu non đã cố nhân
Người ơi cho núi chuyển theo gần
Vầng trăng mười bảy rưng rưng nhớ
Con nước đầy vơi lệ thủy ngân

Em vượt Bồng sơn đến Tuyết sơn
Đà giang nghiêng nửa khóc thu buồn
Sông xanh tỏa bóng hàng mi rợp
Con mắt trao về nẻo viễn thôn

Tình đến bên người núi chần ngang
Tà dương mái tóc ngút mây vàng
Bỗng nghe lạc trận mưa ngàn đổ
Cả một mùa thu đã quá giang.

Sóng tóc rừng mưa gọn trập trùng
Nghe ngào tiếng tiếng nấc thu không
Sương pha áo mỏng gầy non bạc
Chiều lặng soi gương, xót má hồng.



Chiều lại chiều mưa, nước ngập đồng
Mộng vàng hoa mướp rụng ven sông
Đợi em từ mấy phương bèo rạt
Mưa lụt chiêm bao, tóc rối bông.

Giấc mộng đêm nào cũng gió mưa
Gối chần như hải đảo vô bờ
Sông dâng bốn vách sâu nghiêng bóng
Thoảng ngọn đèn trời ánh mắt xưa.

Vang tiếng chim đêm núi nhớ rừng
Đồng Chiêm nghe cũng thủy triều dâng
Dài thương mắt nước mênh mang gió
Lòng bỗng trôi ra biển mây trùng.

ĐÌ TÌM một người tình trong truyện Kiều chẳng hạn : có bao nhiêu người tình trong truyện Kiều ? Thí dụ như Kim Trọng, một người tình quá sức từ chương, thí dụ như Thúc Sinh, người tình thỏa mãn trong một vòng hữu hạn yên tâm, hay như gã Từ, một người tình quá độ... Tất cả đều là những tình nhân của một cô Thúy của một định mệnh bạo hành. Nhưng có thể nói họ đều là những tình nhân quá quen thuộc với một cách thể yêu đương học thuộc lòng, những tình nhân ở trên hay ở dưới mức trung bình một may mà thôi, bọn tình nhân hàng loạt và đồng dạng, đám tình nhân đông đảo từ chối phiêu lưu lâu dài hơn trong một tình trạng bất thường tuyệt vời nhất. Người ta có thể tìm thấy họ, những Kim những Thúc những Từ những tình nhân anh hùng rơm đó, ở đâu đây, chung quanh chúng ta, lấp ló ở đó kề cận đời sống, cười cợt ở kia nơi chỗ tầm mắt nhưng kéo lên và buông xuống trong một nhịp chậm mòn mỏi (ôi tên kéo màn cay nghiệt làm sao), sâu thẳm hay nhàn nhô là những điều có thể thấy được, tình yêu không gây xi căng đàn nào quá lắm giữa người anh hùng và phận gái thuyền quyền rất chọn lọc, người trong cuộc lẫn kẻ ở ngoài, chúng ta, không được hân hạnh ngạc nhiên vì thấy trái tim mình thua kém trái tim của ai kia, mọi người đều có quyền yêu đương đúng như nhân vật đã yêu đương ở trên kia (trên trang sách) dù chỉ phù du trong năm ba phút dù phải đánh lòng bỏ cuộc một ngày nào, dù đêm đêm vẫn phải trở về trong căn gác hiu quanh ngời bó gối đốt sách bên vách tường lặng người chờ một cơn bão mất tâm nào đang tới... Đì tìm một người tình trong truyện Kiều chẳng hạn, một người tình xuất sắc nhất, một người tình khó khăn nhất, một người tình thần tốc nhất, một người tình thường biệt dạng giữa chúng ta : người tình nào đây ?

CÓ NGƯỜI KHÁCH Ở VIỆN PHƯƠNG...

TẤT CẢ khởi sự từ đó, câu chuyện không biết rõ thực hư thế nào, người ta không thể cam đoan gì hết về sự thực đó, kiến thức về nó chỉ là một kiến thức lặp lại, nghe kể lại bởi một người cũng chỉ nghe kể lại từ một người khác vì thời gian của thâm kịch này là thời gian của một trí nhớ hết sức mờ mờ đầy mùi son phấn đã qua. Câu chuyện như thế đó, bây giờ thì ai cũng đã biết, câu chuyện về một người tình đi tìm một người tình không bao giờ gặp mặt, một tình yêu quá đổi muộn màng. Nếu quả thực Kim Trọng đã yêu Kiều, Thúc Sinh đã yêu K., hay Từ Hải đã yêu K. thì đó cũng là điều dễ hiểu vì ít nhất họ cũng đã thấy được nàng, tấm nhan sắc quá cỡ có một khả năng hòa thiêu sự vật đến kỳ cùng như vậy : người yêu là một cái gì cụ thể hiện tại. Thứ tình yêu này quả thực không có gì đặc sắc cho bằng cái tình yêu ngăn ngui trong đôi ba giờ đồng hồ : người tình của Đàm Tiên, một hiện tượng im lặng đã lên tiếng nói, một thứ tiếng nói không đánh lòng nào đó của tác giả : *Có người khách ở viện phương. Xa nghe cũng như tiếng nàng tìm chơi. Thuyền nhàn vừa ghé tới nơi. Thì đã trâm gãy bình rơi bao giờ...* Cái mới nghe qua danh nàng thôi chưa hề biết nàng mặt ngang mày dọc thế nào, chưa thấy nàng cười, chưa nghe nàng đàn (Đi nhàn nàng Đàm phải biết đàn và đàn phải rất là hay) bên vôi vàng nằm đến để yêu nàng thì nàng đã chết, vừa chết (một cái chết rất đúng lúc, kịp ngày giờ, rất hợp thời gian) thế rồi ời chào kẻ phiêu lưu hoang đường phương xa này mới *"Khóc than khôn xiết sự tình. Khéo vô duyên mấy là mình với ta"*. Rồi chàng kêu là thăm thiết (một hiện tượng tả cảnh rất chi tàn bạo : một khách lác chơi áo quần còn lấm bụi đường vừa tìm đường đến hành lạc đời nhàn lại đứng đó giữa mặt lá hơng mà gào thét tro vơ bên cạnh một thây ma, trên ngôi lầu hồng kỷ nữ, có lẽ cũng là trong một buổi xế chiều tàn rơi bóng vàng — bởi cảnh ứng ý nhất của tác giả), chàng vật mình than trời trách đất, chàng bỏ đi ra làm đám ma mua hòm cho nàng, chôn cất nàng



TRÊN ĐƯỜNG ÂM HỒN

CAO HUY KHANH

tử tế. Sau đó thì chàng làm gì ? Chắc là chàng phải thấp rất nhiều nén hương trên phần mộ bạc mệnh đó, chắc chàng phải lạy nài nỉ mấy lạy (Nương tử vị nương tử ?), chắc chàng phải hẹn nàng một kiếp lai sinh theo đúng tinh thần diên cổ nào đó, xong xuôi đầu đây rồi chàng mới lại cất bước ra đi. Và đi là đi biệt tích luôn chẳng bao giờ còn thấy chàng hồi cương quay vô ngựa về thăm bãi tha ma, mái tóc bạc nào của chàng chắc cũng không hẹn được với chúng ta một ngày về điếm sương sa bụi hồng như ai khanh tướng ngày xưa (bất hủ nhân gian kiến bạch đầu). Chính vì thế mà mái tóc bạc không bao giờ có đó của người tình nhân xuất chúng này thật tuyệt đẹp. Cho mãi đến bây giờ người ta vẫn không thể khám phá gì được thêm về tung tích của gã tình nhân bí ẩn này. Bao nhiêu nghi vấn về hành tung chàng cũng thoáng qua như cái tình yêu rất đoan khúc đó trên tác phẩm (12' câu thơ trong toàn thể trên 3.000 câu thơ) một tình yêu bất thần ngộ nạn ngay giữa lòng tác phẩm. Cũng với nhân vật bạc bèo này Nguyễn Du đã tạo nên một mẫu người tình chưa từng gặp về hiềm nguy thường trực, một người tình bất bênh từng giây từng phút, người tình hiện hữu như một cái cơ đoạn trường nhỏ đưa đến một cái cơ đoạn trường lớn khác. Bởi vì ngay chính từ thân hân "người tình không chân dung" này bị bỏ buộc đưa đẩy đến một sự dung rui hoang mang về vết tích mình, kẻ vô định với chính thân thể hân, người không tên có ý vùi lấp đời tư như một căn thiết nghệ thuật nào đó. Bởi vì tất cả không ra ngoài ý nghĩa của hai tiếng gọi mập mờ, hàm hồ và vô hạn, ân ngữ và hoang vu, những tiếng gọi mù lòa làm tan nát lá gan và bụi ngùi tuổi tác, tiếng gọi xâu xé tâm can như về xưa đuổi đau đớn, điệu ru một mùng bặt dạng cuối chân trời, những dấu chân loài đã trắng sinh nở tràn lan trên nhân diện, những tiếng gọi tha thiết ngừng bật khi con chim trắng rụng xuống bàng hoàng, đôi mắt vơi vơi máu, vết thương cổ mực cùng cơn dao trầy thủ lặn trong tay áo từ một chuyển sang sông vơi trở rét trên ngàn lau bạc *"Trắng sì nhất khúc hề bất phục phân"*, những tiếng gọi truyền nhau từ hai đầu cực địa cầu, những nơi đặt gót chân tới như một niềm hy vọng biên khu, quan tái và quan tái chấp chùng, khí hàn nhốt trong lồng ngực mùa sa máu lạnh, tiếng gọi là hồi trống bập bùng ngọi ca sự đoạn tình kiều hạnh, những kẻ mất tích ôm một mối vô danh tàn phai, niềm căm lặt cuối đầu tạ tội... Tiếng gọi đó, đã nghe qua một lần, như thế này : *Ly khách ! Ly khách con đường nhỏ.* (Tham Tâm)

Có hay không có những thực tại như vậy,

những điều có vẻ không đâu nhưng đã gây nên thâm kịch, có một sức công phá vô hình mãnh liệt, làm đỏ máu làm rơi lệ và làm «trướm máu ở đầu ngọn bút» ? Ma lực nào đã xui khiến những hình bóng mờ mờ ảo ảo trôi nổi trôi bất tận trong từng khoảnh khắc thoáng qua như vậy lại có thể có đủ sức tàn hại đến cả người sống ? Tại sao lại yêu thích những danh xưng, những tên gọi mơ hồ đầy một vẻ quyền dự say rượu êm đềm như vậy ? Điền hình là Nguyễn Du (lập lại một lần nữa : *Có người khách ở viện phương...*) ; điền hình là Từ Hải, kẻ say sưa trời biển chỉ bưng lên sống dây từ một tên gọi vô danh và sa đoạ khi bắt đầu công danh nêu tên tuổi với một triều đình (*Bồng đầu có khách biên đình sang chơi...*). Điền hình là người du khách luôn vắng mặt của Xuân Diệu đã phủ phàng gạt ngang một tấm tình kỷ nữ (*Lời Kỷ Nữ*) ; như người ly khách của Thâm Tâm một chiều nào trên bến sông muốn gọi tròn một hơi thở trong thương tiếc chiếc khăn tay để trả lại người đi tiễn chân, em yêu dấu : mùa ly biệt trong tôi ; như người tráng sĩ vẫn mãi mãi qua đường trên một màu mắt trời Tây phương bên quán trọ cuộn hơi khói mờ hiu hắt (*Quang Dũng*)... Tàn rơi và tàn rơi, không cùng. Và tại sao người đàn ông trở về một ngày u tối đó lại không chịu xưng tên họ, muốn đang tâm làm một người khách trọ không quen biết xui khiến Martha phạm một tội lỗi cuối cùng trong đời và đẩy nàng trên đường tuyệt vọng đi tìm đến một giếng sông không còn thấy ánh đèn màu những thị trấn rực rỡ, những thành phố giải thoát nơi xứ sở của mặt trời ? Bên kia đời ? (Camus : *Le Malentendu*). Hay như Kafka đã đẩy nhân vật của mình đi đến một cực điểm khiếm diện như trong một sợi giây thông lọng vào cổ hân và thả đầu giây bên kia lòng thông xuống trên những bậc thềm đá lạnh trong tòa lâu đài chấp chờn ẩn hiện bít kín bốn bề là những vách tường âm âm những tiếng động chờn vờn. Hân có tên cũng như không có, một cái tên mưa vôi, ngoạc ngoạc, lạnh đậm và vô nghĩa y hết những mẫu tự rời rơi vung vãi : Joseph K. (K. có nghĩa là Kiều — Joseph Kiều). Hầu hết đó là những nhân vật qua đường nhưng là một cách đậm đà nhất, hình bóng thoáng ẩn thoáng hiện như phủ lên mặt mây nhân dáng một lớp giấy bóng mờ, những kẻ dấu mặt độc ác không phút giây nào lành lặn vết thương, những tên gọi rơi rụng xuống hư không khuyển những vòng tròn trống hốt hoảng mở ra khắp nơi, những cái bóng ào rung động liên hồi nhòe nhoẹt, những vết đen mờ hồ quyền lại thành bóng dáng những nhân vật không hình thù. Trong thế giới liên hồi linh động những đại danh từ chỉ danh hư vô đó đôi mắt của loài người chìm đắm trong sự lừa đảo tội nghiệp và trí tuệ là khu rừng rậm không lối thoát, ánh sáng và bóng mát ti lệ nghịch, tác phẩm (Chiêu hồn ca) quyền rũ bởi cái vẻ hoang mang bất tận giữa một sự thật trắng và một sự thực đen khôn lường, như đoạn kết này : *Ai đó vậy ? Một người bạn sao ? Một linh hồn đến để cứu vớt ta ? Một người đến để chia sẻ với hân sự bất hạnh ? Một người*

muốn giúp đỡ hẳn? Chỉ làm một người thôi à? Hay là người?» (KAFKA: LE PROCÈS). Nói về trường hợp những nhân vật ẩn hình sâu đậm trong tác phẩm và thường xuyên ám ảnh người đọc, có lẽ không còn hình ảnh nào thể hiện hơn hình ảnh này, hình ảnh một tên hành khất bao trùm một thân khí dư vô ngấm ngấm và khốc liệt — mỗi ám ảnh lớn dần từ thời tuổi trẻ của một nhà văn học máu nhất: «Một tên ăn mày cầm một cái kèn harmonica đứng ở đây. Áo quần hẳn phía dưới rách nát tới tả làm người ta phải nghĩ rằng chắc bộ đồ của hắn không được cắt may bằng hoàng mà chỉ là gồm những mảnh vải xé toang từ tung rồi ghép lại. Gương mặt hẳn trông ngơ ngác thăm hại chừng như vừa mới thức dậy sau một giấc ngủ dài và dù đã cố hết sức để tỉnh táo hẳn cũng không sao tìm thấy đường mà đi. Giống như bất cứ lúc nào hẳn cũng có vẻ như vừa sa xuống giấc ngủ, thiếp đi và lần nào cũng vậy, người ta lại dựng cổ hẳn dậy... Đôi mắt hẳn nhìn chúng tôi như mất thần dường như tuy có thấy chúng tôi ở đó thật nhưng chỉ là thấy một cách mơ hồ, mờ mờ ảo ảo như không... Hắn đứng yên ở đó, cầm cái kèn harmonica siết chặt trên ngực như lấy nó để bảo vệ thân mình» (KAFKA: LETTRE AU PÈRE). Trên cuộc đời dài và ngắn hơi như chiêm bao này có được mấy người đã may mắn nghe thấy tiếng kèn của tên ăn mày không tâm hồn đó, những người khách lạ đã chốt đến chốt đi như thoáng mây xa? Nguyễn Du cũng là một người đồng bệnh đã có lần nghe ra những âm thanh trầm thống không tiếng vang đó khởi từ những bóng người xõa tóc lạng lẽ, những «người hùng không dương danh»: tiếng đàn nào u uất một đêm thu ngồi giữa thành Tây Sơn và người con gái họ Cẩm nào đã trở nặng lòng với một món nợ đau buồn đa đoan? (LONG THÀNH CẨM GIÀ CA)...

Một người khách đã đi qua Đoạn Trường Tân Thanh, những người khách đã xuôi ngược rất nhiều trong những bài thơ chữ Hán. [Kẻ đi sao cuốn cuộn. Người về còn chưa dứt. — Lam giang 2 (1)] và rõ ràng nhất là vô số những khách qua đường, những người lạc nẻo, những kẻ không nhà trần lán u uất trong «Chiêu Hồn Ca». Hãy xem, chúng ta hiện diện trước một đám đông lạ mặt và bí mật: những khanh tướng triều xưa, những giai nhân mệnh bạc làm vỡ cảnh trăm cài đầu, những người đi biển đắm tàu ngoài đại dương, những trẻ con không may mắn ra đời (Lỗi giờ sinh là mẹ là cha), những tình nhân tự ái trong đêm đen... Tất cả đám người hỗn độn đó xuất hiện âm ỉ trước mặt, dàn ra chung quanh nhe nanh múa vuốt níu kéo tay chân chúng ta như những giòng giây ngũ sắc cột lên cái chết, tất cả làm thành một vùng tiếng động nghe điên, những nhịp búa đập xuống liên hồi trên một phần trí đảo điên, tất cả là một kỹ thuật xử dụng điệp ngữ nhắc đi nhắc lại mãi mãi như mỗi ám ảnh nổi dài đến vô cực, là những chữ, những danh xưng, những tiếng chỉ định vô danh ẩn dụ của những điều huyền hoặc thành ra một ẩn dụ trùng phức, ám chỉ những hình bóng không thật nên là một ám chỉ trống không, tất cả chính là những nhân vật văn chương lạc loài nhất trong một hành trình đầy một vẻ siêu hình quên lãng để đi đến hiện hữu: Nào những kẻ tính đường kiêu hãnh... Nào những kẻ màn lan trướng huệ... Nào những kẻ bài binh bố trận. Hay như: Cũng có kẻ rắp sắp cầu chữ quý... Cũng có kẻ vào sông ra bể... Cũng có kẻ nhờ nhàn một kiếp... Và đến một mức độ hiện hữu dồn dập hơn, ào ạt tới bờ, trôi như nước lũ, mạnh như sấm động, nhanh như ánh chớp thoi: Cũng có người sây cối sa cây. Cũng có người gieo giếng thất giáy. Người trôi nước lũ kẻ lầy lầy thành. Người thì mắc sơn tinh thầy quái. Người thì sa nanh sỏi ngà voi. Có người hay để không nuôi. Có người sa sây, có người khôn thương... Đó chính

(*) Phần thơ chữ Hán: Đoàn Quốc Sỹ và Việt Tử: Khảo luận về ĐTTT, Nam Sơn xb, 1960 (phần phụ lục).

là thứ ngôn ngữ để nói về những người vô danh những kẻ vô hình sống nơi một cõi vô hình, những chiếc bóng màu không khi sinh hoạt trong không khí: những hồn ma tháng bảy «mưa dầm sùi sùi». Chính sở trong «Chiêu Hồn Ca», ý niệm về định mệnh con người của Nguyễn Du đã tìm thấy hơn bất cứ đâu một ngôn ngữ thích hợp nhất. Cũng như thứ ngôn ngữ Kafka, ngôn ngữ trong đó có những người nghệt thờ, ngôn ngữ của một người nghệt thờ: «Trong tất cả những đoạn văn lời cuốn mà tôi đã viết đó luôn luôn có một người đang chết, chết một cái chết tàn khốc mà tâm lòng không sao tìm thấy được một phút giây bình yên».

MA TRẦN LAN Ở ĐÂY, ma thặng dư dân số, ma tùm lùm, ma kinh khủng, ma dật dàu bông bẻ nhau xuống đường, ma múa may quay cuồng không biết mệt, ma ca hát và khóc than khôn xiết, ma nài nỉ van xin ma lạy lục khẩn cầu, ma dọa nạt và hận thù, ma lêu bêu từ ngoài đồng chiêm ma vào (Ngân nga nội lực đồng chiêm. Tân hương giọt nước biết tìm vào đâu), ma leo cào giỡn gió nghịch trăng, ma chú ma bác ma anh ma em ma cô ma cậu ma điều dóm ma hội đồng xã, ma ăn nhà hàng ma đi tàu bay ma ngồi xe lửa ma cỡi thuyền lan, ma hí-py rồi ma khóa thân, ma đi ăn mày ma làm đại tướng (Cũng có kẻ nằm cầu gối đất. Rồi tháng ngày hành khất ngược xuôi), ma vào thanh lâu ma đi lính thú (Liều tuổi xanh buồn nguyệt bán hoa), ma không đầu và ma mồ côi (Đoàn vô tự lạc loài nhe nhóc, Quỳ không đầu đón khóc đêm mưa), ma thành phố lẫn ma nông thôn, ma tri thức và ma vô sản, ma cây nhà lá vườn và ma ngoại quốc, ma Tây phương chào ma Đông phương, ma đội mũ che ma trọc đầu, ma tội lỗi và ma phúc thiện, ma nô lệ ma tư bản ma Cộng Sản, ma có hòm đăng hoàng và

ma củ bơ củ bắt, ma vô thần chống ma hữu thần, ma cam ma đùi ma diếc ma điên ma khủng... Trong suốt mấy ngàn năm văn chương V.N. chưa bao giờ xảy ra một cuộc diêm dân ma hùng hậu như vậy, chưa bao giờ có một thi sĩ nào mở một cửa hàng ma phồn thịnh và đắt khách đến thế. Ma gồm mười loại cả thầy (thập loại chúng sinh) tất cả quanh năm suốt tháng không khi nào thiếu thốn. Ma loạn xạ ngầu, ma xuất hiện đồng đều và bình đẳng, ma bốn mùa đắp đổi, ma ở đâu nhiều quá chịu không thấu. Chưa bao giờ Ng. Du thành công với ma như vậy bởi vì ma cũng là một người khách thuần túy nhất. Và bởi vì chính N. Du, ông cũng là một người khách qua đường với biết bao nỗi đoạn trường, ông cũng đã là một hồn ma, một con ma, một thứ ma chưa chết. Bởi vì sống là làm ma giữa dương trần đầy nanh vuốt. Cho nên Ng. Du là một người có đầy đủ tư cách nhất để chiêu hồn những người đã chết về đây rầy bên cạnh ông, ngồi đối mặt cùng nhau trong đêm đen (Trong trường dạ tối tăm trời đất), gọi dậy một cõi âm nhập vào trong người bằng chính cái kinh nghiệm lia trần của riêng mình; Ng. Du đã làm nên bài thơ trường thiên gọi ma này bằng chính một kinh nghiệm ma của từng đêm tàn canh năm bệnh gối đầu lên thanh gươm lạnh của mười năm gió bụi thanh xuân. Một lời thú nhận đầy xương máu của Rilke: «khốn nạn cho tôi, những khi tôi miệt mài nặn tìm ứ ra máu để làm thơ tôi đã chạm tới hai hố thẳm mở ra trước mắt. Đó là Hư Vô... còn hố thẳm kia, tôi tìm thấy nó nơi lồng ngực tôi». Ng. Du thì si rơi lệ tuyệt vời nhất là một Ng. Du rất gần gũi với ma.

Đi tìm tâm sự một người cũng là đi tìm con ma thường trực ẩn náu trong người đó. Con ma trong Ng. Du là một con ma lưu đầy thể lương, nó lạc mất quê hương từ một sớm mai nào kinh thành (Xem tiếp trang 15)

nguyễn lương vỹ

DẠM QUAN

còn phân vân đợi một người
em từ giã hội năm trời dưới kia

đêm vun cao ngọn núi già
hỏi màn lệ có đi qua bóng người
đường đi giữ biệt tâm hơi
lòng năm xưa đã chôn vùi bên cây
thời ta rượt mạng cuối ngày
nửa đời biến dạng trong loài sinh ra

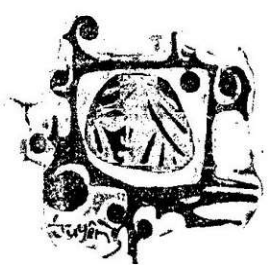


THUẬT ĐƯỢC NƠ

tâm nàng trong một giọt sương
bông rơi ta xuống mây tầng lá xanh
động bên làn gió vô hình
hai hàng xiêm lộ biến thành cỏ non
đau cơn xuân hạnh hao mòn
giữa đêm tiễn biệt chỉ còn hai tay

định hoàng sa

MƯA



mưa từ phố cũ mưa đi
mưa xuyên dĩ vãng vẩn vơ lặn trầm
mưa nhòa kỷ niệm mù tăm
mưa tan mộng ảo xa xăm khói mây
mưa vàng vọt lá thu gầy
mưa xanh xao từng đốt tay nuốn phiền

mưa ngoài ranh giới tịch nhiều
mưa ngang bãi chiến trảm miền gọi hồn
mưa nương vó ngựa dập dồn
mưa lăn theo bánh xe tròn nhịp quay
mưa dằng dặc, mưa lất lay
mưa giăng hoài niệm, mưa khơi nhạc sầu

mưa hoen hiện tại không màu
mưa đầm khuôn mặt mai sau nhạt nhòa
mưa trùm lên phận xót xa
mưa đeo đẳng tận bên bờ tịch liêu
mưa không gian ngày tàn xiêu
mưa thời gian lưỡng lự điều hồn hoang.

NGÀY NAY TRÊN ĐẤT BẮC,
do nhu cầu công tác hay địa vị chính trị của mình, những nhà thơ chuyên làm thơ không viết văn xuôi cũng phải viết những bài văn, bài tham luận, tiểu luận, bút ký, dù muốn hay không.

Từ nhân vật ở địa vị cao nhất như Tố Hữu, Tố Hữu vẫn phải viết những bài tham luận hoặc nghị luận chính trị đăng trên báo Nhân Dân, báo Học Tập, hay in sách tài liệu. Đến như Tú Mỡ, nhà thơ trào phúng chuyên môn vẫn phải viết tham luận như thường.

Riêng Huy Cận thì không. Văn chương, nghị luận, truyền ngôn, truyền dài v.v... đã không viết, mà tiểu luận, tham luận đọc trước đại hội văn nghệ, đại hội nhà văn, thủ trưởng Huy Cận cũng dè dặt thêm viết một chữ nào. Chỉ có báo cáo là buộc lòng, không viết không được nên mới viết đó thôi. Cái nhà anh này lạ thật.

Về khoản đọc sách, không biết Huy Cận có khoái hay không, chứ nghe thơ và đọc thơ thì Huy Cận mê lắm. Những buổi Hội Nhà Văn tổ chức nói chuyện về thơ ở thư viện trung ương Hà Nội, do những nhà thơ như Xuân Diệu, Chế Lan Viên, Lưu Trọng Lư, Tế Hanh v.v... đều có mặt Huy Cận đến dự. Đến dự nhằm mục đích nghe bình thơ, do những nghệ sĩ Đài Phát Thanh như Châu Loan, Trần thị Tuyết v.v. được mượn đến ngâm hộ.

Cho đến những cuộc ngâm thơ đêm do anh em văn nghệ sĩ tổ chức tại Văn Miếu hay Quan Thánh. Huy Cận cũng thường có mặt. Lần nào không đến dự được, mọi người đều hiểu là hôm đó bận phải hội họp, công tác đặc biệt hoặc đi xa vắng nhà. Những cuộc ngâm thơ đêm như vậy, ngâm đủ loại thơ, của rất nhiều tác giả hoặc do Ban Tổ Chức giới thiệu chọn lựa, hoặc do cử tọa yêu cầu hay do chính tác giả mới sáng tác xong, đem trình làng trước khi cho đăng lên báo. Người nghe thơ hầu hết là văn nghệ sĩ và những người mê thơ. Đến đó vừa được nghe thơ, vừa được gặp đủ mặt bạn bè trò chuyện, vừa được nhấm nháp cốc trà thơm Hoa Nhài Phú Thọ. Nhất là những buổi tối trời lạnh, ngồi uống trà nghe thơ, khói thuốc bay mù, thực ấm cúng và tuyệt diệu làm sao.

Một lần, đi dự ngâm thơ đêm ở Văn Miếu Hà Nội, không hiểu sao đêm đó Huy Cận còn rủ được Trường Chinh và một số Bộ trưởng, Thứ Trưởng đến nghe. Anh em văn nghệ sĩ, bất thành linh gặp được một lò lãnh tụ, lấy làm

ngạc nhiên, lạ lắm. Vinh hạnh cho Ban Tổ chức biết bao nhiêu. Sau dài tuần trà, được nghe vài bài thơ, chợt Huy Cận xô ghế đứng dậy, cho tay vào túi áo đại cán móc ra một mảnh giấy, lên tiếng:

— Tôi cũng xin đóng một bài thơ. Bài thơ tôi vừa sáng tác xong. Nhan đề là GỬI ANH LÍNH MIỀN NAM. Nhờ chị Trần thị Tuyết ngâm hộ.

Bài thơ này chữ miền Nam tôi bôi hoa lá, nào Mỹ, vào "Ngũ", nào Diễm Nhu, không thiếu một ai. Một bài thơ tuyên truyền.

A, Thì ra... Anh em văn nghệ sĩ chợt biểu rằng đêm nay Huy Cận mới cho được Trường Chinh và một số Bộ Trưởng, Thứ Trưởng khác tới nghe thơ mục đích là Huy Cận khoe bài thơ tuyên truyền, chứ bởi này, để Đảng và nhà nước hiểu cho rằng mình làm thơ tuyên truyền cũng được lắm, đáng mặt làm thứ trưởng Bộ Văn Hóa lắm.

Ở nhà riêng với vợ con, Huy Cận cũng mê nghe thơ không kém. Tiết mục TIẾNG THƠ ngâm trên đài Hà Nội hàng tuần, Huy Cận không bỏ sót lần nào, mà còn mở radio Saigon theo dõi chương trình TAO ĐÀN rồi PHỤ SA v.v... tuần hai lần đều đặn.

Giới văn nghệ sĩ miền Bắc không ai không biết điều này. Đáng lẽ ra nó hãy còn trong bí mật, nhưng vì trong lần tham dự đại hội văn nghệ toàn quốc, Tô Hoài đã nghe lóm được câu chuyện giữa Xuân Diệu và Huy Cận nên trở thành bất mí. Câu chuyện như sau:

Ngày ngày đầu đại hội, đến đêm, phân chia thành từng tổ mà ngâm, Xuân Diệu ngồi ở trại mình với mấy đồng chí trong tổ. Lúc nghỉ xả hơi mười phút, sẵn chiếc radio transistors bên cạnh, thuận tay, Xuân Diệu vặn tới vặn lui, trúng phải làn sóng điện của Đài Phát Thanh Saigon, đang truyền thanh chương trình TAO ĐÀN.

Đang tỉnh vận đi chỗ khác sự, anh em họ nghe họ phê bình, vì phạm lệnh cấm của Đảng: "Không được nghe đài địch". Nhưng, Xuân Diệu chợt nghe tiếng của Hoàng Oanh ngâm:

Xao xác tiếng gà
Trăng ngà lạnh buốt
Mắt run mờ Kỷ nữ thấy sóng trở
... Du khách đi...
Du Khách đã đi rồi...

Xuân Diệu lặng người, chết sống. Tay chân như run lên.

Bài thơ được Hoàng Oanh ngâm trên đây là bài LỜI KỶ NỮ của Xuân Diệu sáng tác thời tiền chiến. Từ ngày kháng chiến, mười mấy năm qua rồi bị Đảng cấm phổ biến vì nó là sản phẩm của thứ văn nghệ lãng mạn tư sản, mất gốc, thiếu xây dựng, mất lập trường v.v... bây giờ tỉnh cơ Xuân Diệu lại được nghe qua Đài Saigon. Không xúc động mãnh liệt sao được!

Ấy là chưa kể, trong chương trình văn học sử ở miền Bắc, từ các lớp phổ thông cấp 2, cấp 3 cho đến đại học Tổng Hợp Văn, thơ Xuân Diệu, dù tiền chiến hay kháng chiến, chưa bài nào chính thức đưa vào chương trình học, nếu có, chỉ có tính cách là bài đọc thêm. Còn được đưa vào tiết mục TIẾNG THƠ của

được nghe Đài Saigon đem ra ngâm bài thơ LỜI KỶ NỮ. Lại còn nghe được bản TIẾNG THU phổ thành nhạc. Cả bài thơ CHIỀU của Hồ Dzếnh và NGÂM NGŨ của Huy Cận được Phạm Duy phổ nhạc do nữ ca sĩ miền Nam: Lệ Thu ca.

Lưu trọng Lư mắt sáng rỡ, xúc động cũng không kém.

Nhưng chính vì chuyện đó, cán bộ bên dưới báo cáo, phản ánh lên Huy Cận, Huy Cận liền đi tìm Xuân Diệu để trách móc, sao lại vận đài Saigon quá lộ liễu. Đồng thời, Huy Cận cũng tâm sự với Xuân Diệu, ở tại nhà mình hàng đêm đều có "báo Đài Saigon, không bỏ sót những chương trình thi văn của miền Nam. Bây giờ, Xuân Diệu mới được nghe lần đầu, chứ Huy Cận thì nghe không biết bao nhiêu lần truyền thanh bài thơ "Ngâm Ngủ" của mình được Phạm Duy phổ nhạc. Tuy xúc động



HUY CẬN
vã cuộc đời chính trị
hôm nay

— 4

**LOẠT BÀI THEO CHÂN
NHÀ VĂN NHÀ THƠ
TIỀN CHIẾN CỦA KIM NHẬT**

TIẾP THEO VÀ HẾT

đài Hà Nội thực nghìn năm một thuở. Trong khi đó, thơ của những người khác thì có mặt khắp mọi nơi.

Khốn nạn hơn cho Xuân Diệu, khi sinh viên, học sinh miền Bắc, học bài thơ "CÔ GÁI SÔNG HƯƠNG" của Tố Hữu, dù rằng Tố Hữu viết "Tặng tác giả ĐÔI MƯA GIÓ" nhưng các thầy, các cô, các giáo sư cứ nhè lời cô LỜI KỶ NỮ ra mà đối chiếu, phê bình mạt sát, nhạo báng không chút xót thương. Thế mà Đài Saigon lại nâng niu, sẵn đón đưa con bị kết án của mình thực không còn gì cảm động bằng.

Quên khuấy đi là quanh mình còn có các đồng chí khác, Xuân Diệu mở volume to lên, đến chừng có người phê bình, mới hoảng hồn vận nhỏ lại, kê sát lỗ tai nghe một mình.

Sau đó, Xuân Diệu mặt mày hơn hớn, chân thấp chân cao, chạy đi tìm Lưu trọng Tư khoe là mình vừa

thực, "ngâm ngủ" thực, nhưng Huy Cận đã có đám tâm sự gì với ai đâu.

Có lẽ vì thế, trong một phút "ngâm ngủ", nhớ lại thời vàng son cũ, nhớ đến những người bạn thân văn nghệ miền Nam, Huy Cận kín đáo trút nỗi niềm tâm sự vào bài thơ "HAI HÌNH NGƯỜI GỖ" mang hơi hướng, dư âm của những ngày đã mất.

NHƯ trên đã nói, từ sau tập thơ đầu tiên tái xuất giang hồ: "TRỜI MỖI NGÀY LẠI SÁNG" Huy Cận cũng phải đặt mình vào khuôn khổ chung của đường hướng tuyên truyền "văn nghệ phải phục vụ chính trị" do Đảng đưa ra.

Thình thoảnh đôi lần trên báo VĂN HỌC và VĂN NGHỆ mới được thấy một cách hiếm hoi, vài bài thơ tình cảm mang ít nhiều tính chất nghệ thuật:

MẸ CON

Mẹ ngồi tựa cửa cho con bà
Gió chiều mát rượi, sáng trời cao
Cây huệ trong vườn hoa nở trắng
Trời chiều mang mát, những vì sao

Bè nằm gọn lôn trong lòng mẹ
Tay vú mân mê, miệng nhoeo cười
Trắng sáng đầy thêm, trắng sáng quá
Ngoài sân hoa lá thấy, càng tươi

HUY CẬN

Tích tập sao, VĂN NGHỆ

<https://www.hopto.org>



ĐÃ PHÁT HÀNH KHẮP NƠI TRÊN TOÀN QUỐC
CUỐN SÁCH CỦA CÁC BẠN HÂM MỘ VÕ THUẬT

**THẬP BÁT LIÊN CHÂU
QUYỀN PHÁP**

Δ Một biên soạn thật công phu của **VÕ SƯ LÊ VĂN KIẾN**, Hội Trưởng Tổng Hội Võ Học Việt Nam — Hội Trưởng Tổng Hội Võ Sư Nghiên Cứu và phổ biến Võ thuật Việt Nam.

Δ Lần đầu tiên một cuốn sách Võ Thuật hoàn toàn được in bằng máy offset thật tốn kém với hơn 200 hình ảnh rõ ràng và linh động.

• TỦ SÁCH VÕ HỌC CỔ TRUYỀN

• TỦ SÁCH VÕ HỌC CỔ TRUYỀN

hoặc :

BUỔI SÁNG HÔM NAY

Anh tặng em một buổi sáng hôm nay
Có hoa sen nở Hồ Tây trắng hồng
Tặng em trời mát như sông
Trong veo chảy giữa hai dòng
cây xanh.

Anh tặng em một buổi sáng lòng anh
Có mây có nước có cánh có hoa
Có mình và lại có ta
Trong hương sen ngát nở xóa lòng sen.

Anh tặng em cả những ưu phiền
Trong câu hát cũ nghe bên Chợ Cầu
Còn hân trong chữ trong câu
Nỗi đau ngày trước cây sầu
một người

Anh tặng em một buổi sáng mai đời
Bước chân quen thuộc, bước người
lại qua

Mây hồng bướm bạc xa xa
Ngày lên gió mới lòng ta tặng mình.

HUY CẬN
Trích nguyên văn,
đăng trên báo
Văn Học, 1962

Từ sau 1963, nguồn hứng
của Huy Cận bỗng ngưng bị cạn.
Chưa biết nguyên do vì sao? Tình
trạng sáng tác của Huy Cận trở về
chập độ uể oải của những ngày kháng
chiến. Nếu có xuất hiện, ta lại được
thấy loại thơ phục vụ cho kế hoạch
nhà nước.

Đảng nhận thấy, nền nông
nghiệp miền Bắc sau nhiều năm
tiến lên xã hội chủ nghĩa, các hợp
tác xã nông nghiệp vẫn được cây
rượu bằng trâu, bò và người, không
có máy. Nhưng trâu bò quá ít lại
làm việc bằng ba nên con nào con
ấy đi hết muốn nổi. Ăn uống lại
thiếu. Thêm nữa, việc chăm sóc trâu
bò, sau khi tập trung làm của chung
trong Hợp tác xã, rơi vào tình trạng
cha chung không ai khóc, "nhiều
đi không ai quét cửa chùa" nên trâu
bò chỉ còn xương với da, những con
aghe mới để chết dần hồi.

Thấy vậy, Đảng phát động một
chiến dịch thi đua chăm sóc trâu bò,
tổ chức những cuộc thi nghệ trên
toàn miền Bắc. Đề hỗ trợ, động viên
quần chúng hưởng ứng chính sách,
Huy Cận cũng làm một bài thơ cho
đăng lên báo VĂN HỌC.

THI NGHỆ HỢP TÁC

Nghệ chạy trên đời
Trong sớm ban mai
Suối như dòng sữa
Có như vú dài

Nghệ nhai vú mẹ
Nghệ giỡn, nhé cười

Ra đình thi nghệ
Nghệ hiểu ý người

Nghệ trông nụ cười
Đôi mắt nai tơ
Nghệ muốn chạy nhảy
Không muốn đứng chờ

HUY CẬN

Rồi, 1964 Mỹ bắt đầu oanh tạc
miền Bắc, đề cử võ đồng viên, hô hào
mọi người tham gia «chống Mỹ»,
bắn phi cơ, Đảng ra lệnh cho tất cả
mọi văn nghệ sĩ sáng tác đề tài này.
Kẹt quá, mất hết hứng, cạn hết tài
thơ, không biết phải làm sao, Huy
Cận đành lấy bài «ĐOÀN THUYỀN
ĐÁNH CÁ» viết từ 1958 đem ra
thêm vào «ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH
CÁ VÀ ĐÁNH MỸ» để cho đăng
lại trên báo NHÂN DÂN.

Bài thơ, nhiều câu được giữ
nguyên, chỉ sửa lại vài câu cho «hợp
thời» đánh Mỹ một tí. Ví dụ
như đoạn :

Hát rằng cá bạc biển đông lặng
Đến dệt thuyền ta đoàn cá ơi
Thuyền đi nước dệt muôn luồng sáng
Mắt cá huy hoàng, muôn dặm phơi

Được sửa lại thành :

Hát rằng cá bạc biển đông lặng
Đến dệt thuyền ta đoàn cá ơi
Súng đạn ta mang theo chiến đấu
Với bọn đầu trâu, lũ giặc trời

Tiếp đó sửa hai câu trên đoạn kết :
Biệt kích làm sao mi chạy thoát?
Súng trường bốn phía lướt ta vây

Kể ra cũng buồn cười cho Huy
Cận. Ở trên những pháo đài lon
con của Hải quân Bắc Việt, với
những súng phòng không thế mà còn
không chịu nổi F.105, bây giờ với
những chiếc máy bay, những chiếc
ghe âm ở kéo lưới có vài cây súng
trường mà đòi hạ F.105, đòi ra khơi
chống những cột nước khổng lồ của
bom rơi xuống, ai dám nào?

Nhưng thôi, cũng thông cảm
cho ngài Thứ Trưởng Văn Hóa Cà
Huy Cận. Ăn cây nào phải rào cây
ấy. Còn muốn làm thơ trường thi
văn cứ phải làm thơ tuyên truyền.
Còn biết làm sao hơn?

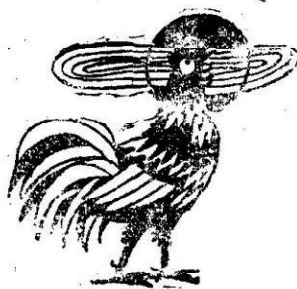
Muốn được «nói xôi chính trị»,
văn học nghệ thuật đành phải cho
thông qua. Không biết trong những
ngày tới, những gì sẽ đến với Huy
Cận? Chờ xem! Δ



KỲ TỚI:

XUÂN DIỆU ! THI SĨ ĐÓN GIÓ

ĐẶNG TRẦN HUÂN



chuyện cảm đàn bà

CÓ BIẾT KHÔNG ?

Một cô gái đi thăm bệnh. Bác sĩ
bảo cô nằm lên bàn để khám nghiệm.
Sau khi giúp cô gái cởi áo, bác sĩ
nắm bóp khá kỹ và an ủi cô gái :

— Chắc cô biết tôi phải làm thế
này để làm gì ?

— Dạ, bác sĩ đang coi xem em có
bị ung thư vú không ?

Vị bác sĩ liền đưa tay sờ xuống
bụng cô gái và cũng để an ủi cô gái.

Ông nói :

— Chắc cô biết tôi phải làm thế
này để làm gì ?

— Dạ, bác sĩ đang xem—em có
bị ruột dư không ?

Không cảm lòng được bác sĩ liền
leo lên bụng cô gái, khi kéo cao mi
ni dúp của nàng. Rồi ông hỏi cho
đỡ thẹn :

— Chắc cô biết tôi đang làm thế
đây để làm gì chứ ?

Cô gái cười tủm tỉm :

— Dạ em biết !. Bác sĩ đang khám
xem em có bị bệnh hoa liễu không và
cũng chính vì em bị mắc bệnh đó nên
mới phải đến nhờ bác sĩ.
(ý của Tinh Vệ)

CẦN PHẢI CÓ THỜI GIAN

Một thiếu phụ xinh đẹp đang ăn
điểm tâm trên sân thượng một đại
khách sạn bỗng có một người đàn
ông tới gần bà ta hỏi bằng một giọng
rất nghiêm nghị :

— Thưa cô, tôi đề nghị trả cô
3000 đồng nếu cô bằng lòng về nhà
tôi ngủ với tôi một đêm.

Người đàn bà cũng là tay sừng
sỏ, bình tĩnh trả lời :

— Ông điên hả ? Ông nghĩ tôi
là hạng người nào mà ông hỏi tôi
câu đó.

— Tôi không điên, nhưng bảy
giờ tôi đặt giá lại. Nếu cô bằng lòng
đề nghị vừa rồi tôi xin trả cô 300
ngàn đồng.

Nếu đàn bà sừng sỏ, rồi mặt
lưng đỏ ửng nói :

— Ba trăm ngàn... Kề ra cũng là
một số tiền có ý nghĩa...

Thiếu phụ suy nghĩ chừng một
phút rồi cảm sắc đứng dậy.

— Được, tôi bằng lòng.

Tối lượt người đàn ông
cười tủm :

— Ấy thông thả đã. Cô phải
kiên nhẫn một chút. Bây giờ thì tôi
đã tìm thấy người đàn ông hợp gu của
tôi nhưng tôi còn phải nghĩ cách tìm
đâu, ra ba trăm ngàn đã chứ.

CÁCH GIỮ CHỒNG

Một bà có chồng hay đi chơi
đêm. Một hôm kể với bạn bè :

— Tôi mới áp dụng một mẹo
vật làm nhà tôi hết đi chơi đêm. Bây
giờ nhà tôi ở nhà đều đều.

— ...

— Đêm hôn kia lúc một giờ sáng
nhà tôi đang lơ mơ leo lên thang gác
tôi đánh tiếng hỏi : «Anh Thụy
đấy hả ?»

Mấy bà bạn hỏi lại :
— Thế thì làm sao mà ông hết
đi chơi ?

— Vì nhà tôi tên là Hải chứ
đâu tên là Thụy.



ĐIỆC

Một cô gái sắp lấy chồng. Người
chồng sắp cưới của cô yên chí rằng
cô còn là một trinh nữ. Thực ra thì
cô đã là đàn bà. Nhưng cô không
muốn chồng cô biết trong đêm tân
hôn. Cô tới một bác sĩ chuyên khoa
xin và lại cái ngân vàng.

Từ đó cô đành chịu điếc một
bên tai.

BẮT LỰC

Một ông chồng đến than phiền
với Bác sĩ rằng ông bị bắt lực. Cả
năm năm không gần vợ khiến ông bị
bà rầy rà quá xá.

Bác sĩ khám xong bèn đưa cho
bệnh nhân một hộp thuốc và nói :

— Ông về uống thuốc này đi và
bà nhà sẽ không còn lý do để rầy rà
ông nữa.

Mấy hôm sau, ông chồng trở
lại phòng mạch Bác sĩ và reo to :

— Thật là tuyệt diệu... Điều điều
mỗi ngày...

Bác sĩ thích thú hỏi lại :

— Thế bà nhà có nói gì không ?
Hắn là hài lòng lắm chứ !

— Từ hôm đó tôi chưa về nhà.
(ý T. V.) Δ

NHÀ TU THƯ VÀ SƯU KHẢO
VIỆN ĐẠI HỌC VĂN HẠNH
đang in :

TỰ ĐIỂN PHÁP VIỆT
KINH TÀI XÃ HỘI
của G.S. VŨ VĂN MẬU

PHẬT GIÁO SỬ
YẾU LƯỢC

của EDWARD CONZE
do CHÂN PHÁP dịch

BHAGAVAD — GITA

HAY
CHỈ TÔN CA

T.T. THÍCH MINH CHÂU giới thiệu
RADHAKRISHNAN ghi chú
ALBERT SCHWEITZER phân tích
NGUYỄN HỮU HIỆU dịch
kèm theo nguyên tác Sanskrit

HÃY ĐÓN ĐỌC :

NGUYỆT SAN
TỰ QUYẾT

PHÁT HÀNH TRUNG TUẦN
THÁNG 8—70

TỜ BAO CỦA TUỔI TRẺ
PHẢN KHÁNG VÀ TIẾN BỘ

NGƯỜI MÊ...

tiếp theo trang 5

với tất cả những ưu uẩn, bí ẩn của một cô gái thầm
trông trộm nhé :

Duyên kia ai đợi mà chờ,

Tình kia ai tưởng mà tơ tưởng tình !

Nghe câu chuyện của anh bạn, Đinh Hùng
và tôi cười muốn chết và chúng tôi cùng kết luận cho
đó là một kỳ quan. Chúng tôi lại tần mẩn tần lảo không
biết những chàng trai được Xuân Diệu «thương
trường» như thế thì làm ăn ra thế nào ?

Anh bạn nói đùa :

— Cái đó phải hỏi Sao Mai mới rõ.

Huy Cận nói :

— Hồi cái mẹ gì. Nó ôm mình hỏi «Anh có
yêu em không» mình sợ chết cha, còn hứng gì
mà hỏi !

Tội nghiệp, cái người nói nên câu đó có biết
đâu rằng ý kiến ấy nó vắn vào người anh từ lúc
nào không biết. Qua những buổi trò chuyện ở Thái
Bình, chợ Già, chợ Giầu, hay trong rừng thông
Thanh Hóa, ngồi rung đùi uống rượu với Xuân
Diệu phiếm đàm về thơ, về tứ, về văn, về ý, Đinh
Hùng đâu có ngờ rằng anh đã lọt vào «mắt xanh»
Xuân Diệu. Có thể nói rằng Xuân Diệu mê Đinh
Hùng như chưa bao giờ có gái mê trai như thế,
vì Đinh Hùng nhỏ bé, đẹp trai, ăn mặc lại diêm dúa,
thêm nữa lại thơ hay, đặc sắc «không chê được»
nhưng bởi vì Đinh Hùng đôi khi đùa cợt lảo lếu
nhưng mặt lúc nào cũng nghiêm nên Xuân Diệu
chưa có lúc nào dám tỏ ra một cử chỉ gì trai lơ,
suông sã nên trước sau Đinh Hùng vẫn không biết
«mối tình tuyệt vọng» của thi sĩ Arvers là can
Xuân Diệu.

Tuy nhiên, tất cả các anh từng dự cuộc thi
đua luyện quân lập công năm 1941 ở Sở Kỵ và
Hội nghị Văn hóa Liên khu 3 của nhà xuất bản
Minh Đức tổ chức đều biết Xuân Diệu «nhòm ngó»
Đinh Hùng và bất cứ đến đâu gặp ai, anh cũng
hỏi thăm về Đinh Hùng.

Trần Điện Biên Phủ kết thúc, Pháp phải ký
hiệp định ngưng bắn, các anh em kháng chiến lục
tục về thành. Tôi còn nhớ ở trước nhà Gò Đa, cái
cảnh tượng H.L «chửi Ngọc Giao» làm ra cái điệu
anh hùng vô sản về tiếp thu mà đi một cái xe đạp
tàng với một cái sơ mi nâu rách, Nguyễn Tuấn là
phê mấy câu vợ vắn và che miệng cười không ra
tiếng... Nhưng đặc biệt nhất là Xuân Diệu về tiếp
thu, gặp anh em, chưa kịp hỏi han gì cả, chưa kịp
trò chuyện gì cả đã ôm chầm lấy một người bạn
(xin giấu tên) hỏi :

— Đinh Hùng đâu ? Đinh Hùng đâu ? Có còn
ở đây không, hay đi rồi ?

CÂY ĐÈN THẦN KHÔNG SOI SÁNG ĐƯỢC GÌ HẾT.

NHIỀU người đọc văn chỉ biết Đinh Hùng là
thi sĩ. Thực ra, Đinh Hùng viết được nhiều
thể văn, nhưng phải nói rằng văn tài của anh thực
phát triển từ khi có phong trào kháng chiến và
tên tuổi anh được nhiều người biết từ khi
anh vào miền Nam phụ trách mục «Tao Đàn» cho
đài phát thanh Saigon, và viết bài thường xuyên
cho «Sáng Dội Miền Nam».

Trong tạp chí này, Đinh Hùng viết bình luận
thơ, truyện ngắn, ký sự, hầu hết đều xoay quanh quỹ
đạo văn nghệ. Những bài như *Tháng mười hoa nở*
và tưởng niệm các nhà thơ Phan Bội Châu, Nguyễn
Đình Chiểu... bây giờ vẫn còn được nhiều người
nhắc nhở đều có một tính cách sưu tầm quý giá.

Tuy nhiên không mấy ai biết rằng Đinh Hùng một
nhà thơ nổi tiếng là «siêu thực» lại còn là một thi sĩ
trào lộng hữu tài. Từ hồi 1945 cộng tác với Trần
Đản trong tạp chí «Dạ Đài», Đinh Hùng
đã cống hiến cho bạn đọc «hậu phương» nhiều bài
thơ phóng thể cay chua, nhưng nổi bật nhất là
lúc anh vào Nam, cộng tác hồi 1954 với tạp chí
Sáng Tạo, Hiện Đại và nhật báo Tự Do anh giữ
mục thơ tiểu ma với bút hiệu Thần Đăng.

Ít có người tưởng tượng được rằng cái anh
chàng bé nhỏ, ít nói, ít cười, mặt có khi lạnh như
tiền đó, bản tính hiền lành thủ thi đó lại có những
lúc chửi bới rất hay, nhiều khi có thể nói là dữ tợn,
như mấy câu thơ, trào mạ sau đây trích trong một
bài nói về một họa sĩ họ Đào :

Đào là đào tở, đào tiền

Đào cha, đào mẹ, đào tiền, đào xu

Thần Đăng là cây đèn thần. Không hiểu lúc
đặt bút tự đó, Đinh Hùng có tự ví mình là cây
đèn thần như trong truyện Aladin hay không ;
riêng tôi thì nghĩ rằng rất có thể Đinh Hùng tự cho
mình là một thứ đèn ma quái soi khắp mọi nơi,
không có gì không biết.

Vậy mà chính cây đèn thần ấy cho đến khi
vào đất quốc gia mới lem lém trên đài phát thanh,
nói đâu ra đấy, trước sau vẫn không biết là có một
người đàn ông theo dõi mình và muốn bắt anh
làm chồng,

Một đêm thu xanh, ăn cơm với nhau ở nhà
Đức Trọng đường Chợ Cũ ra về, đi thung thình
lên cầu Tân Thuận, tôi gọi lại câu chuyện đó với
Đinh Hùng thì anh tung hứng, tưởng là tôi «phịa».
Nhưng rồi cuộc, anh phải nhận dần dần, là «rất có
thể như thế» và anh nhớ lại dần dần những câu
nói, những cử chỉ là lời của Xuân Diệu trước đây
đối với anh... Tôi nghĩ thầm Đinh Hùng chắc
chấn sẽ «nổi điên» lên và chửi Xuân Diệu
không tiếc lời. Lầm. Phản ứng của Đinh Hùng thực
là kỳ lạ. Nhà thơ trao phúng dữ tợn «đào ông bói
cha» người ta lên đột nhiên lại nhu mì, hiền lành
một cách kỳ lạ, không tưởng tượng nổi. Anh không
phản nản một tí gì về thái độ của Xuân Diệu đối
với anh.

Đêm hôm ấy, bên bàn đèn; Đinh Hùng bị ám
ảnh về chuyện đó hỏi tôi có biết gì về sự khác biệt
giữa một người lại cái, với người bán nam bán
mỹ không. Mà cái trường hợp Xuân Diệu có thể gọi
là «đồng tính luyến ái» như cái «bạn Tây Phương
phải gió» nó thường bị hay không ?

— Tôi không dám bắt chước anh hàng giấy nói
chuyện cao quá đôi giày của mình, nhưng đại khái
vẫn nghe thấy nói rằng «đồng tính luyến ái» khác hẳn
cái ca Xuân Diệu. Một người đàn ông «pê đê» ăn ái

với một người đàn ông hay một người đàn bà «luyến
biên» (lesbienne) yêu thương một người đàn bà
khác : đó là đồng tính luyến ái. Xuân Diệu không
thế : Anh ta một nửa đàn ông một nửa đàn bà, nhưng
tương đối cái chất đàn bà nhiều hơn cái chất đàn
ông ở trong anh. Nói một cách khác, anh ta là một
thứ đàn bà dang dở, chưa hoàn toàn, thêm khát
tình yêu như một người đàn bà trẻ, nhưng khổ một
nỗi là bộ gió và đáng dấp, thân hình anh lại là đàn
ông cho nên không thể ngó nổi lòng với người đàn
ông khác, đành là cứ phải chịu «đau cam sâu nín»,
và ngậm ngậm một mình câu thơ của nhà thi sĩ :

Khắc chẳng ra cho, nuốt chẳng vào,

Khối tình ngào nghẹn biết làm sao

Thực quả đêm hôm ấy, tôi lại hiểu Đinh
Hùng hơn một chút. Nhà thi sĩ «đào ông bói cha»
người ta, nhà thi sĩ hề tức giận ai cũng đòi «đánh
bỏ mẹ» xuất hiện nguyên hình thì chỉ còn là một
cậu bé ngây thơ, tính bản thiện, chan chứa một
lòng thương yêu cao cả :

— Tội nghiệp, ai cười Xuân Diệu, tôi không
biết, riêng tôi thấy, anh là một người đáng thương
hết sức. Ước gì tôi lại được gặp anh ngay bây giờ
để nói lên thực to tâm lòng của tôi mến yêu anh
và tôi mong có một thi tài bạt trụ để nói lên được
những lời thơ an ủi được cái tật trời bắt anh phải
mang trong mình.

ĐƯỜNG VÀO TÌNH SỬ

T RỜI gần sáng, mưa rơi tí tách trên mái ngói.

Năm nhìn Đinh Hùng hút thuốc, tôi cảm
thấy se sắt trong lòng vì Đinh Hùng vào đây xanh
quá, ốm quá, tàn tạ quá. Tự nhiên tôi cảm thấy lờ
mờ rằng thế nào một ngày rất gần đây anh sẽ chết
và phải chết vì rượu và thuốc phiện, nhưng đồng
thời tôi cũng cảm thấy rằng Đinh Hùng sẽ tiếp
nhận cái chết với một tâm lòng chan chứa tình
thương như anh đã tiếp nhận cái sống thăng trầm
nhiều buồn hơn vui, nhiều đau thương hơn hi lạc.

Phải rồi, «Đường vào tình sử» chẳng là «đường
vào cõi chết» đó sao ? Tôi yêu những vần thơ kỳ
dị xuất bản ở Saigon năm 1961, cuốn thơ của Đinh
Hùng yêu cái sống cũng như cái chết, yêu tất cả,
yêu không biên giới. Đã có một lúc tôi ngỡ Đinh
Hùng là một tay thợ thơ (versificateur) reo
ra những vần có sẵn và nói lên những ý nghĩ giả
tạo, nhưng có thấy anh và nghe anh luận bàn về
Xuân Diệu, ta mới thấy là lòng anh thực và tình
thương của anh dồn hậu đến chừng nào.

Cái gì cũng tan rã, chỉ có tình thương là tồn
tại mãi mãi thôi ; phải thế không Đinh Hùng.

Anh hỏi tôi.

— Theo anh, bài thơ nào của tôi bộc lộ trung
thực được ý niệm đó ?

Tôi không trả lời, ngậm một mình :

Trăng ơi, đừng bỏ kinh thành,
Hồn cổ đô vẫn thanh bình như xưa.
Nhờn tiền chợt sáng thiên cơ,
Biết nơi ảo phố, mê đồ là đâu.
Ta say ánh lửa tình cầu,
Dựng lên địa chấn một màu huyền không.
Trận cười tan hợp núi sông,
Cơn mê kỳ thú lạ lùng cỏ hoa.
Ill trường đời lớp phong ba,
Mượn tay nguy tạo súa nhòa biển dâu.



Hưng vong vạn lý thành sầu,
Trăng ơi, đừng đỏ mái lầu nhân gian
Ta chờ thiên địa giao hoan,
Nhập hồn cây cỏ muôn vàn kiếp sau... Δ

ĐỌC: "MÊ HỒN CA" CỦA ĐÌNH HÙNG

«TA HÁT MÀ CHƠI, ta sống đó tuy hư lại thực, giữa chợ đời vất vưởng bóng sâu nhân, thì bán rẻ linh hồn cho Quỷ, tìm Hỷ Thần kết bạn tâm giao», lời thơ này ở bài «Thần Tượng» đã xác định được thật rõ ràng: bản chất (tuy hư lại thực), chức phận (hát mà chơi) và xu hướng (bán rẻ linh hồn cho Quỷ, tìm Hỷ Thần kết bạn tâm giao) của tác giả tập thơ «Mê Hồn Ca». Con đường thơ của thi sĩ ấy, «con đường thơ hai mươi năm của Đình Hùng đường dẫn ta qua bốn chặng tư tưởng: Nguyên Thủy, Thần Tượng, Chiêu Niệm, Mê Hồn», như người viết lời tựa cho tập thơ đã giới thiệu, năm 1954. Bốn chặng đó cũng là bốn phần (hay bốn chương) của tập thơ và thêm vào đây là phần phụ, ngoại tập, như tác giả gọi tên ba bài riêng biệt bên ngoài bốn phần chính của «Mê Hồn Ca». Nếu coi toàn thể tập thơ như một dòng nước chảy từ nguồn trên đỉnh núi đổ ào xuống vực sâu ở một khoảng lưng chừng núi, thì «Thơ Nguyên Thủy» là nguồn, «Thần Tượng» là triền nước, «Chiêu Niệm» là bờ vực và «Mê Hồn» là đáy vực. Muốn biết một dòng nước bắt nguồn từ đâu, phải lần theo dòng mà đi ngược về nguồn, cũng thế, muốn làm quen với Đình Hùng ở tập thơ này, người ta cũng phải đi ngược từ đáy vực «Mê Hồn» trở lên tới nguồn «Thơ Nguyên Thủy». Bởi một lẽ dễ nhận ra ở thi nhân là thơ ông khởi đầu từ trạng thái mê hồn. Toàn thể tập thơ là một bài thần chú nhiều âm thanh tiết điệu nối tiếp và liên kết với nhau, bài thần chú hồn dẫn hồn vào cõi dị thường kỳ ảo, vào nơi quái đản, huyền hoặc, hồn đã nhập chung một cuộc phiêu lưu cùng Quỷ, cùng Thần, để rồi thấy:

Lạc âm cung, ngân nga hồn lệ quỷ,
Ta nằm trong di tích cuộc tang thương.
(Bài Mê Hồn Ca).

Hồn đó, hồn thi nhân, đã trải qua cuộc «Kiến trúc một chiêm bao thần bí». Đem theo mình tất cả những đổi thay, những tan tác, những hoang phế của kiếp người, đi tìm những ấn tượng, hình ảnh thật xa xưa, gây lại «Tình Thái Cổ» cho mình để mong thấy được:

Chiều tái tạo bằng khoáng tượng ngọn cỏ.
Hoa thanh quý nở bừng trong điểm sử.
(Bài Mê Hồn Ca)

Mê Hồn, hay Lạc Hồn, đó là trò ma thuật của tâm linh, trong sự biến hóa khỏi từ sự chối bỏ những định kiến của hình hài thường nhật, để tìm một kinh nghiệm kỳ ảo phi thực. Thi sĩ nào (thực sự là thi sĩ) mà lại không bị cám dỗ bởi cái Bất Khả, cái Vô Hạn, cái Tuyệt Đối, những gì phá vỡ, đập tung những khuôn khổ, những giới định của thân phận tầm thường hiện thực? Ma thuật, hay trò ảo hóa của tâm linh, là sự xóa nhòa biên giới giữa thực và phi thực, để gián dị hóa vũ trụ trong một cơ cấu thống nhất của sự thấu thị, nhờ đó ý chí biến không thành có, ảo giác cũng một cấp độ hiện hữu với cảm giác thông thường. Ma thuật, nguyên tắc trong thơ Novalis, đồng loại với Mê hồn, nguyên tắc trong thơ Đình Hùng ở đây, cũng như sự thấu thị là nguyên tắc trong thơ Rimbaud (Bởi Tôi là một kẻ khác...) Phải biến hồn thành quỷ quái! Tôi nói là phải thành người thấu thị, làm cho mình thành người thấu thị. Thi sĩ thành người thấu thị bởi một sự phá loạn mọi giác quan thật trường kỳ, vô biên và có suy tính). Đó là cái thuật để làm rung lên những nhịp khác thường, những âm kỳ diệu của muôn sự đầy to phức tạp của tâm hồn. «Le dérèglement de tous les sens» của Rimbaud ăn khớp với «Hồn phá hoại điều

tản cuộc sống» của Đình Hùng, để «se faire voyant» hay «hồn điên trang ảo mộng đời tiên».

Từ đó, tâm hồn nhà thơ «đi gọi bóng ma sâu trong núi hoang vu» (bài «Thoát Duyên Trần Cấu»), để thấy «ngին yêu ma chen bước cõi Luân Hồi» (bài «Cầu hồn»); hồn đi «Tìm bóng từ thần» hay thốt lời:

«Hỡi hồn tuyệt trình!
Hỡi người tuyệt trình!
Mê em, ta thoát thân hình,
Nhập hồn cây cỏ, đa tình mỗi đêm».

Đó là Mê hồn khao khát yêu đương đi tìm kinh nghiệm siêu thường về tình ái, trong bài thơ Chiêu Niệm «Gửi người dưới mộ».

Trong cuộc phiêu lưu của mê hồn, có những phút bất gặp lại một hình ảnh xa xưa, một hoài niệm sơ cớ, mà tột đỉnh của trót mơ, mà tận cùng của cuộc kiếm tìm mãi miết là đáng đáp tuyệt vời của Thần Tượng, của miền cán đỏ không khiêu toát ra từ thân hình diêm ảo, làm khuất lụy cả linh hồn run rẩy:

«Ta gần em, mê từng ngón bàn chân,
Mắt nhắm lại, để lòng người gió bão.
Khi sùng bái, ta quý dâng nếp áo,
Nhưng cúi đầu trước vẻ ngọc trang nghiêm».
(Bài Kỳ Nữ).

Nhưng sự gặp gỡ một hình thái của tuyệt đối trong vẻ đẹp mong manh không làm thỏa linh hồn khao khát vô biên, một linh hồn chỉ có thể tung hoành, thoải mái trong một «Trời ảo diệu» của thời Nguyên Thủy. Và

NGUYỄN NHẬT DUẬT



chỉ còn trạng thái ban sơ, tối cớ, của con người thời tiền sử, giao hòa một cách man dã với kiếp sống cỏ cây, ngày ngất cùng sông núi bát ngát, đó mới thực là trạng thái của linh hồn mãnh liệt ấy:

«Hồn ta đây thành tượng giữa Vô Cùng,
Mùa ảo diệu chuyển giao đường tình tú».

Nhưng có phải tâm hồn nhà thơ Đình Hùng thực sự đi những bước đi mạnh bạo thẳng tới trạng thái Nguyên Thủy hay rung cảm của nó phát xuất ngay từ trạng thái Nguyên Thủy của vạn vật? Hồn người thơ, mà bản chất là linh diệu, có bắt gặp được hồn nguyên sơ của vạn vật một cách trực tiếp trong ánh sáng chói lóa của cơn lửa cuồng bốc cháy? Không, có lẽ không. Toàn thể tập thơ như một bài thần chú bốn nhịp chỉ là một cuộc đuổi bắt ảo ảnh. Thơ trở thành niềm tưởng nhớ miên man, chứa chất một nỗi sầu bất tận. Lần giở tập thơ, có thể thấy đây những chữ «ngân nga», «buồn», «sầu», «u uất», nhất là những chữ «đôi mắt buồn» hay «đôi mắt sầu». Đôi mắt đó như một ám ảnh không người, mà thi sĩ cố tìm quên trong thiệp nhiên dịu ngọt:

«Rượu trường sinh: ta uống mất em buồn,
Sầu mấy kiếp, giấc ngủ say bừng đó?
Quên đi em, hãy sống đời cây cỏ,
Từng linh hồn dân diu với hương hoa»
(Bài Trời Áo Diệu).

Và còn mãi tiếng thơ phiến muộn:
«Buồn lên, Cõi Đất chưa than thở,
Em đã ca sầu — ôi Dã Hoa!»

(Bài Hoa Sứ)

Bởi ý thức chưa hoàn toàn tan loãng trong cơn mê tình ái, nên thi sĩ không thể xua đuổi được những bút rứt, dân vật, nảy sinh từ cuộc dâng co giữa sự đắm đuối và niềm nghi hoặc:

«Hỡi Kỳ nữ! Em có lòng tàn ác,
Ta vẫn gần — ôi sắc đẹp yêu ma!»

(Bài Kỳ Nữ)

Không có hiện tại nào gây được niềm tin nơi tâm hồn thi sĩ, nhất là không thể có một hiện tại «lạc thiên nhiên đến cả bọn đàn bà, với những vẻ dung nhan kiều diễm nhất». Chỉ còn có dĩ vãng, cái dĩ vãng được nhìn qua «màu ảo diệu», cái dĩ vãng huyền hoặc của huyền sử. Thơ là sự trở về, và ở đây là sự trở về với dĩ sử, lạc loài theo dấu chân cảm thú. Bài thơ do đó trở thành một dịp để thi sĩ uơin hương cho niềm tưởng nhớ thiên nhiên hoang dã buổi sơ khai của vũ trụ. Đó là nguồn. Nguồn thiêng. Thơ nói lên tiếng nói sùng kính «thiên nhiên huyền bí» mà ở đó có thể tìm ra giữa núi sông hoa lá những Dã Nhân chân thực là những người mang bản chất Người tinh tú. Hãy nghe thi sĩ hỏi thiên nhiên:

«Hỡi non thăm! trước thời gian xao động,
Đá băng khuỷu, màu thạch nhũ phai mờ,
Mấy xuân thu người đứng nhìn sao rụng?
Ta tìm trên tuyết trắng dấu Người Xưa»
(Bài Trời Áo Diệu).

Và ca ngợi:

«Đi vào mộng, những Sơn Thần yên ngủ,
Em! Kia Em! Đừng gọi thức hư không!
Hỡi, qui xuống đọc bài kinh ái mộ»

(Trời Áo Diệu)

Niềm tưởng nhớ đó hướng về thời Nguyên Thủy như hương về một quê hương. Quê hương đó là «Nước vô danh» và Người Xưa là «Người mộng ảo», bởi không có tên nào của thế giới bây giờ đáng để đặt cho nước cũ và không có người thực nào trong nhân gian ngày nay đáng để so sánh với người xưa. Quê hương phi thường và Người tuyệt đối, như Đạo và Danh của Lão Tử? Không hẳn, vì Thi ca không chịu đồng hóa với Đạo lý. Nhưng ít nhất cũng có thể tạm mượn một câu của Lão Tử để vẽ nên tiền trình của con người Man Rợ trong thơ Đình Hùng: «Đại viết thệ, thệ viết viên, viên viết phục phân» (Đạo là đi, đi là đi xa, đi xa là trở về). Mà đáng vậy. «Bài Ca Man Rợ» vẽ ra ba chặng của Đạo:

Chặng thứ nhất:

«Lòng đã khát ta trở về Đồ Thị,
Bỏ thiên nhiên huyền bí của ta xưa.
Bóng ta đi trùm khắp lối hoang sơ,
Và chân bước nghe chuyển rung đời xuôi...»

Chặng thứ hai:

«Ta ngân nga nhìn theo bóng ngựa xe,
Nhìn theo mãi đến khi đôi lách cả...
...Ta về đây là hết các người rồi,
Lạ tình cảm, lạ đời chung, cách sống...»

Và chặng thứ ba:

«Giữa hoang loạn của lậu đài, đình tạ,
Ta thần nhiên, đi trở lại núi rừng».

Trở về với con người trong thế giới hồng hoang thời thái cổ là trở về bản chất nguyên tuyền, chất phác, với vẻ độc ác rất đời ngày thơ vô tội (vô ý thức, không suy tính), mà sống thần nhiên:

«Thèm ăn một chút hoa man dại,
Rời ngủ như loài muôn thú kia»
(Bài Những Hương Sao Rời)

Trở về, trở về với nguồn sống thiêng liêng: bao la và hiền hậu, tươi thắm và nồng nàn: →

«Ồi! giữa trời Thor, những đêm hiền hậu,
Con chim nào kêu vắng tiếng trần ai?
Mấy thu xanh dòng chảy lệ u hoài?
Thời xa vắng mờ hương lòng trái đất.
(Những Hương Sao Rơi.)

Cũng chỉ giữa lòng thiên nhiên hoang sơ thời
nguyên thủy đó, tình yêu thật sự mới bùng nổ,
tha thiết hơn bao giờ hết, và cũng chỉ khi đó đôi
mắt buồn muộn thuở của người yêu mới thực sự
khoe lên vạn vật một vẻ đẹp mơ màng, thơ mộng:

«Trong tay Nàng ta ngã mình ngây ngất,
Nghe rõ ràng trên thịt ấm, da xuân.
Ngực dâng cao, hơi thở đỏ mau dần,
Mùi cỏ lá bông thoảng hồn mong nhớ.
Ta ngàng lên, mắt Nàng buồn muộn thuở,
Ngắm hoa sao lay động dưới khe nguồn.
Chung mối sầu, thơ thần với trăng suông,
Bên sườn núi có con hươu vàng điệp».

(Những Hương Sao Rơi)

Sự trở về của Thi sĩ lúc này mới thực có
ý nghĩa:

«Ta đến đây làm chủ hội phong trần,
Lấy hoa là kết nên Tinh Thái Cổ»

Sự ngợi ca tình yêu — ở đây — đòi hỏi một
bối cảnh thiên nhiên (lãng mạn) và đam mê
xác thật do đó được khoe lên một lớp
áo diêm ảo, che phủ bớt đề khêu gợi thêm, khi có
hoa làm bạn thiết của con người. Ngay cả ở những
câu thơ mãnh liệt nhất trong bài «Ác mộng»:

«Cuộc ân tình ghê rợn suốt muôn đêm,
Nào ai tiếc thương gì thân mỹ nữ!

Tay mỗi ôm sẽ đầy vò nhung lụa,

Phần hương nhàu, tan tác phần hương bay»,
cũng có những hình ảnh lãng mạn đã trở thành
ước lệ làm giảm bớt hiệu lực gợi cảm trực tiếp,
chỉ cho người đọc những «hình ảnh nở hoa» (images
fleuries). Bởi thơ ngợi ca tình yêu của Đinh Hùng
quá «thơ», quá «mộng», làm vơi bớt dung lượng
thực tại, nên nhức cảm nóng bỏng hoàn toàn thiếu
vắng. Có thể nói: tập «Mê Hồn Ca» là một tập thơ
kêu gọi sự quay về với trạng thái hồn nhiên của
người tiền sử và cả ngợi tình yêu chân thực của
con người trong bối cảnh đó, nhưng thi sĩ mới chỉ
dựng được cảnh mà chưa xây được tình thực sự
thích hợp. Kinh nghiệm về thân xác và về tình yêu
man đã đích thực đã lẫn trốn ngôn ngữ thơ của
tác giả «Mê Hồn Ca». Những hình ảnh diêm lệ, rực
rỡ được dùng để mô tả tình yêu đã đưa người đọc đi
xa, rất xa khỏi tình yêu đó. Nhưng, có lẽ, nếu chỉ
đọc thơ Đinh Hùng để tìm lại cái kinh nghiệm
ngây ngất bàng hoàng về một «Trời ảo diệu» thì
hơn một bài trong tập «Mê Hồn Ca» sẽ đáp ứng
đòi hỏi này một cách trọn vẹn.

Và sự trở về thời Nguyên Thủy của thi nhân
không phải là một quay về đột ngột, trực tiếp, mà
trái lại, nó kinh qua một quá trình tiến triển, nó có
một sự tính. Chính tác giả lập đi lập lại rất nhiều
lần chữ sử: huyền sử, diêm sử, hoa sử, huyền sử,
vân vân. Và sự đây là sự trải qua những cuộc
thăng trầm biến đổi của đời người. Con người thơ
mang hồn sơ cổ, sống «vất vưởng» trong cuộc đời
cho đến khi:

«Áo thơ đã ố màu tang hải»,

mới bắt đầu:

«Mượn tay nguỵ tạo xóa nhòa biên dẫu»,

Chỉ có thời gian mới chứa đầy những
cuộc tang thương, còn vĩnh cửu — trong «con mê
kỳ thú», trong ước vọng tuyệt đối — là sự ngưng
động toàn diện, ở đó không có gì bắt đầu, không
có gì chấm dứt, mãi mãi tất cả đều không trôi
chảy, đó là cuộc sống thần tiên — trời, đất, người
và vạn vật giao hòa (ta chờ thiên địa
giao hoan, nhập thần cây cỏ muôn vàn
kiếp sau) —. Thế nên «cái khát vọng đau đớn
và bao la một non nước trường sinh» (lời Tựa)
của Đinh Hùng là một khát vọng vĩnh cửu và nó
khước từ thời gian (xóa nhòa biên dẫu), để có thể

mãi mãi «còn giữ nguyên trang sách diễm tình»
(Bài Lạc Hồn Ca). Thời gian, kích thước của đời
sống tương đối, trở thành một đe dọa muốn phá
tan ước vọng tuyệt đối và đó là niềm hải hùng
của thi nhân;

«Đêm hải hùng nghe vắng bước thời gian»

(Bài Hương Trinh Bạch).

Chối từ thời gian là chối từ những xây dựng
càng ngày càng khác lạ của loài người, nên thơ Đinh
Hùng là sự chống đối quyết liệt ném vào nền văn
minh thành thị, ở đó người thơ thuần phác «chỉ
thấy màu xiêm áo, tìm mãi không ra vẻ chồn nhien
trên nét vẽ râu mày», đến nỗi người thơ kinh tởm:

«Ồi ngờ ngác một lũ người vong bản,

Mất tinh thần từ những thuở xa xôi!»
rồi người thơ đảo vùng đứng lên cười ngất trước
cái vẻ giả tạo, lọc lõi, của người yêu cũ, và sau
cùng «ra tay tàn phá» lâu đài, thành quách, để bỏ đi
về những hương sao rơi». Người thơ, hay Người
Man Rợ, không những khước từ thời gian mà
còn chối bỏ giới hạn giữa sự sống và sự
chết, trần gian và địa ngục, ý chí người
thơ «muốn vào thăm năm mộ sáu» (Bài Gửi
Người Dưới Mộ), người thơ gọi hồn người
chết dậy:

«Hồn ơi! Hồn tỉnh giấc thân.

Đêm nay lạc xuống dương trần mà vui»

(Bài Cầu Hồn).

Sự khước từ càng ngày càng quyết liệt và
sau cùng người thơ khước từ tất cả kích thước,
mọi giới hạn không thời gian:

«Nghe trời hiện bóng đường xa mã,

Vượt nước in hình mái thủy cung.

Trở giấc bơ vơ hồn lạc quốc,

Lạ dòng trôi nổi bến phù không.

Người ôi! tỉnh dậy, đừng oan thối,

Lam khi bay lên lấp cửu trùng»

(Bài Huyền Sử).

Sự chối bỏ tất cả thực tại đây thi sĩ vào với
thế giới mộng ảo của riêng ông. Một «hành lang cô
liêu» (Lời Tựa) chia cách Áo và Thực, Mơ Mộng
và Đời Sống. Người thơ chỉ có thể vùng vẫy, hít
thở tự do trong một bầu không khí phong thần và
bộ lạc («Ta từng buổi bơ vơ tìm bộ lạc» — Bài
Người gái Thiên Nhiên), «ngủ trong tòa văn thạch»,
giữa Nước Vô Danh, bên Người Mộng Áo của
ông. Cái tâm thức hoang mang, ngờ ngác, khi gặp
thực tại, cái cảm thức say sưa, ngây ngất, khi gặp
mộng tưởng, đây là hai nhịp điệu bằng trắc của
cung đàn «Mê Hồn Ca». Sự «tàn bạo», «hung
cuồng» của «Bạo chúa lên ngôi» vẫn chỉ phát xuất từ
trái tim của người tình «run sợ», «mê mẩn» trước
mặt người Kỳ Nữ Tất cả đó, toàn thể tập thơ,
được uơm trong một bầu không khí ngao ngát
hương hoa lá cỏ, sự nồng mủi da thịt tình nguyên
của giai nhân. Mộng và Thực, cả hai đều đánh thức
tâm hồn tác giả khỏi cơn mê muội u tối, để bùng
lên trong một cuộc hồi sinh — tìm về với con người
Nguyên Thủy ở nơi mình. Sự trống rỗng thì vốn
không thể chịu đựng được, tác giả nôn nao:

«Thơ đâu? chẳng nói lời yêu hoặc,

Về mặt sâu nhân, nét bút diên?»

(Bài Vô Thường)

Nên bài thơ cứ phải tiếp tục mãi, miên man
bất tận «nói lời yêu hoặc» cho tác giả (cho chúng ta
nữa?) và cuộc hồi sinh còn kéo dài theo với lời
thơ. Nhưng cũng chính tác giả đã kêu lên
thăng thốt:

«Hỡi ôi! Hồn lệ mờ nhân thế,

Vấn cuộc hồi sinh, ai đợi ta?»

(Bài Hồi Sinh)

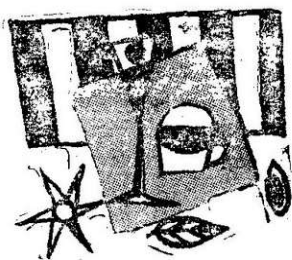
«Ai chờ đợi người thơ, khi vấn cuộc hồi sinh?

«Ai tìm ta đó trong đêm loạn?» Và cuối cùng, cái
gì còn lại, sau khi đời yêu hoặc» đã lắng chìm?

«Vàng thu sắp sửa làm thương nhớ.

Lời nói ai trầm đến tịch liêu?» (Bài Truyện Lòng) Δ

SINH HOẠT VĂN NGHỆ



CÁC MIỀN

HY VÂN
NG NGHOẠC LIÊN
PHỤ TRÁCH

Giới thiệu Độc San ĐẠI NGHĨA Cơ qua
sinh hoạt của Tiểu Đoàn 20 C.T.C.T.

Chúng tôi vừa nhận được giai phẩm Đại Nghi
của Tiểu Đoàn 20 Chiến Tranh Chính Trị, xin hã
hạnh giới thiệu cùng bạn đọc Sinh Hoạt Văn Ngh
Các Miền. Đây là một tờ báo in toàn offset thự
hiện vô cùng công phu và như lời giới thiệu s
tôi sẽ pháp hành vào dịp Quốc Khánh 1-11-1970
như vậy Đại Nghĩa là một tờ báo 3 tháng r
một lần.

I.— Ban Chủ Biên.

Chủ Trương Biên Tập: Thiếu Tá Vũ Mạnh
Hùng Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 20 CTC

Ban biên tập: vũ ngọc hải — vũ văn long —
chu thủy — thái tăng an

Với sự cộng tác của: trần nhâm thân — vi
huỳnh — hoài nguyên hoài — minh tâm — trần lu
nguyên khánh — thy vũ — t.t. tam — trần quang
trung — lê bá đình — trang dạ thảo — phạm tuế
— hoàng minh khánh — quách hoàng — phạm hữu
vân — hoài giang — hoàng hôn huấn — đĩnh
tường — mộng hoài — trần minh hòa — lê kỳ hoa
vũ quốc khánh — lê vi.

II.— Hình Thức

Đại Nghĩa in 84 trang giấy trắng khổ 20cmx
26cm, bằng phương pháp tối tân, bìa 5 màu, ruột
cũng in nhiều màu. Tranh bìa và trình bày nội
dung, minh họa do Thái Tăng An đảm nhiệm. Từng
trang báo với cách sắp xếp, chọn màu, minh họa,
người đọc nhận thấy nỗ lực vượt bậc của những
người chủ trương. Có thể nói trên phương diện
hình thức, Đại Nghĩa không thua kém bất cứ tờ báo
nào—cùng một cương vị—trong các tờ chức quân
lực VNCH.

III.— Nội Dung

Mang chủ đề Quốc Hận 20-7, Đại Nghĩa dành
một số bài vở ở các trang đầu nói về ngày chia cắt
đất nước 20-7-1954. Gồm có:

— Nhân định của Đại Nghĩa

— Từ hiệp định Genève tới mặt trận GPMN
của Trần Nhâm Thân,

— Những yếu tố liên quan đến hội nghị Genève
1954 của Quách Hoàng

Ngoài những bài viết về chủ đề Quốc Hận nêu
trên, Đại Nghĩa phần còn lại làm 4 mục:

a) Chính trị, gồm các bài:

Cuộc khủng hoảng âm thầm ở Á Châu của
Võ Huynh

Săn mồi trên đất bạn của Phạm Hữu Văn

Dành cho tuổi trẻ một chỗ đứng của Minh Tâm

Hai bức thư tình của người miền Bắc (t)

b) Văn Hóa (?), gồm các bài:

Cảm nghĩ về văn hóa dân tộc của Quách Hoàng

Viết về sân khấu quân đội của Hoàng Hôn Huân.

c) Văn Nghệ, gồm các bài:

— Truyện ngắn, Đoàn văn, Tây bút:
Những ngày khó quên của Trang dạ Thảo
Những ngày hạt tình tâm mộng của Chu Thụy
Đêm bên kia sông của Trần lư nguyên Khanh.
Bay trên đất Bắc của Lê Bá Đình

Những đoàn khúc cho tình yêu (nhiều người viết) của Trang dạ Thảo, Lê Vi, T.T. Tâm, Quách Hoàng.

— Thơ

Phiên buồn không tên của Trần Quang Trung
Tiếc Thương của Trần Minh Hòa
Vỡ của Phạm Tuệ
Ngày xa Huế của Phạm Tuệ
Hoàng Vu của Đinh Trường
Cùng với 3 trang bình thơ dưới tiêu đề «Hội Thơ muôn phương» do Mộng Hoài phụ trách.

d) Mục thường xuyên (I), gồm các bài :
Luận cổ suy kim do Hoài Giang phụ trách
Phản thư tín do Tòa soạn đảm nhiệm

IV.— Sáng tác trích đăng :

ĐOÀN KHÚC CHO TÌNH YÊU

QUÁCH HOÀNG

Buổi sáng ấy, mây không về che phủ giáo đường như mấy ngày trước, anh lang thang và chợt thấy tà áo em trắng gọn bay lên những gốc cây phượng vì dọc hai bên bờ phố. Ngại ngừng không dám lại gần, anh âm thầm theo dấu chân em cho mãi khúc rẽ vườn ông Thượng, em về nhà và anh chỉ biết thần thờ nhìn hai cánh cửa sắt vô tri giác từ từ khép lại.

Nếu con đường có là do sự chuyển động của một điểm, thì với anh tình yêu có là nhờ đã nhìn thấy bên đường có bông hoa tuyệt sắc rồi con tim mới bắt đầu chuyển động trở thành con đường mang tên «đường đi vào tình yêu». Bây giờ nó đã biến thành «con đường kỷ niệm» gọi lại cho anh vùng trời son trẻ đầy hoa bướm...

Không một lời hò hẹn, mà chỉ bằng ánh mắt, chúng ta đã yêu nhau để rồi tình lên cao vút như cánh chim trời, mộng mơ như hoa xuân vờn gió. Anh biết lấy ngôn ngữ nào để ví von ca ngợi tình yêu thuở ban đầu ấy? Ôi! đẹp làm sao... Hàng đêm anh chỉ biết gọi tên em ngàn lần, mong thấy em vẩn lẩn trong giấc ngủ và nguyện cầu cho tình đôi lứa được toại nguyện...

Tối nay, trăng lên đẹp như ngày rằm, anh liên tưởng tới ý nghĩ thuở thiếu thời để rồi tưởng tượng vào mỗi tối như tối nay, sẽ có những thiên thần cầm đuốc đi đốt sáng từng vì sao chọn một màu thật đặc sắc cho nguyệt cầu để ánh trăng chỉ có trên triều đình thiên quốc, thứ ánh trăng mà hôm nay đây, giờ này đây đòi dọi vào mắt anh, hắt lên tường lá, xuyên qua khe cửa, lọt vào căn phòng tối tăm nơi hạ giới, anh mừng rỡ tưởng có một nàng tiên nữ đang múa dưới gốc đa và ca những bản tình yêu vô tận... Δ

TRÊN ĐƯỜNG...

(tiếp theo trang 9)

lừa dấy và từ đó nhìn thấy đầu đầu cũng chỉ toàn một màu tha hương. Nghi vấn muôn đời của Ng. Du luôn luôn là nghi vấn về một không gian bấp bênh mai sau, câu hỏi cho một chốn nương thân sẽ đến, mỗi hy vọng về một tương lai dừng bước giăng hồ, trái tim bắt an vị một tương lai trú ẩn bất định hay cũng là nỗi lòng muốn tìm về làng cũ đã lên đầu rêu xanh :

Một phen thay đổi sơn hà

Mảnh thân chiếc lá biết là về đâu

Còn nhớ không hề nước mắt của nàng Thúy nơi đó soi rất nhiều hình bóng những cây từ cây phần ngày xưa trong vườn nhà cũ *Đoái trông muôn dặm từ phần. Hồn quê theo ngọn mây tản xa xa...*. Còn nhớ không những tiếng cổ hương thiết tha trông chờ tin nhận (*Cỏ hương dệ muộn âm hao tuyệt—Son cư*), nỗi nhớ nhà chân trời biệt (Trần) *nhớ quê nhà cách xa ngoài ngàn dặm—Mạn hứng 1*), tâm sự một kẻ bỏ xứ ra đi lặn dạn trong vòng tháng năm oan nghiệt (*Thập tài phong trần khứ quốc dư. Tiêu tiên bạch phát ký nhân gia—U cư*), giọt nước mắt nào tưởng tượng rơi xuống trên mặt nước một ngày cũ đã qua (*Mình nguyệt chiếu cồ tỉnh. Trăng sáng chiếu giăng xưa...—Đạo ý*), hay như một đứa con hoang trở về từ quê người diêu vợi (*Vi sao mẹ đau lòng? Năm đôi lạc quê người...—Sở kiến hành*)... Còn nhớ không ông quan văn lãng mạn chuyển môn đi thăm mộ người ta suốt đời, người thi sĩ «hàng thần lo lão» nửa đêm trời dậy ngồi viết thơ đòi gọi cho ma (*Độc Tiểu Thanh Ký*), kẻ luôn luôn nhìn thấy vạn giòng sông trôi qua triền miên trên bản ngã mình :

Trên lầu cao dưới giòng nước chảy

Phận đã đành trăm gãy bình rơi...

Với Ng. Du, giòng sông là tượng trưng buồn bã cho sự ly biệt, sự mất mát, sự ra đi, một sự trôi vô độ cướp mất linh hồn những tượng đá đứng dựng trên bờ. Hơn thế nữa, sông cũng là một thứ quê hương của ma quỷ, những giống biến dịch tàn phá lẫn hồi nảo căn, những ngọn nguồn đòi hỏi rất long lanh, dừng ngạc nhiên nếu thấy Kiều hay ai đó đã chọn một cái chết nổi trôi (*Hồng đào kiến kỳ quỳ—Lam giang 1*)

Có bao nhiêu giòng sông đã chảy qua đời Ng. Du? (Lấy một thí dụ về «Thanh Hiên thi tập» : có trên 10 bài thơ về sông và biển như : *Độc Long vĩ giang, Đồng lung giang, Giang Đình hữu cảm, Dao vọng Càn hải từ...*). Có bao nhiêu lần Ng. Du đã tiễn người ra đi và để người tiễn mình ra đi mà chẳng hề nói đến chuyện trở về? (Lấy một thí dụ về «Thanh Hiên thi tập» : có trên 15 bài về biệt ly và đi xa : *Lưu biệt Nguyễn đại Lang, Tống Nguyễn Sĩ Hưu nam quy, Trê khách, dạ hành...*). Và có bao nhiêu hồn ma đã tìm đến với Ng. Du? (Lấy một thí dụ về «Chiêu hồn ca» : ngày 15 tháng bảy năm Canh Tuất, 1970). Trần trọng ngã mũ kính chào Đạm Tiên.

MỘT CÂU NÓI CỦA GIDE : «Có quá nhiều lý do đã xui khiến tôi cầm bút lên viết và đối với tôi dường như những lý do quan trọng nhất lại là những lý do tầm thường nhất. Có lẽ là lý do thâm thiết này : viết để đưa một cái gì đó đến một chỗ trú ẩn lẫn tránh cái chết». «Chiêu Hồn Ca» của Ng. Du cũng là một cách an ủi quý sự trên cuối đường lộng hành, nơi trú ẩn tạm thời để nuôi ma một «hộp cháo lá đa» qua ngày. (Thắc lại nhờ *hộp cháo lá đa*), một niềm tin ngưỡng quê mùa có thể đẩy lui sự chết trước mặt những người đã chết : Ai đến đây dưới trên ngôi lại. Cửa làm duyên chờ ngại bao nhiêu...

«Cầu xin cùng Đấng cao cả, hãy ban cho mỗi người một cái chết dành riêng cho mỗi người» (Rilke) : những giọt lệ của Ng. Du đã rơi xuống như những giọt nước cam lồ của một người theo Phật đã từng «đi hàng vạn dặm với chiếc mũ vàng bạc phếch dưới ánh trời chiều tà» (Mạn hứng 2)

dưới chân núi Hồng, những giọt nước mắt nào long lanh niềm từ biệt đã chảy hoai trong suốt bao năm giữa tiếng nhạn xưa khôn cùng trong trần thế giấc mộng (những «kinh niên biệt ự».—U cư). Tiếng khóc ma của Ng. Du có một mặt trái đau lòng vì hiệu lực đầu tiên của nó là một hiệu lực phản hồi, tác động dội ngược lại đằng sau trước khi nó bùng ra phía trước, khóc cho người cũng khóc cho ta. Cái chân lý ma của Ng. Du như thế này : sống là trả lệ miễn man cho một bước đường mình kiếp sau, là khóc trước cho những đoạn trường âm hồn ở dưới kia một mai, là cách chuộc tội tiền kiếp cho một hình bóng khác sẽ tiếp tục lênh đênh trên đường đầu thai khôn khó *Thương thay cũng một kiếp người. Sống nhờ hàng xứ chết vùi đường quan. Và kia kia : Cờ kim hận sử thiện nan vấn...* (Độc Tiểu Thanh ký).

Ng. Du là một nhà thơ ma xuất thần đến tột cùng dù còn đang sống vẫn không ngừng kêu gọi đến chúng sinh đã tuần nạn, trò chuyện đàm âm cùng những hồn trường dạ, một người của dương trần không phút giây nào không quay về cõi âm để mời gọi nó tất cả lên đường tị nạn, một đam mê đen nồng nhiệt hò hẹn cùng cái chết kẻ càn trong gang tấc, một nỗi lòng nhìn nhân thế qua một màu tàn tro trên nấm mồ vô chủ (những nấm mồ vô chủ trùng trùng điệp điệp trong sự nghiệp Ng. Du), đôi mắt u ẩn trông vời ra muôn nơi không biết nơi đâu là chốn đã xui khiến lòng ta đau thương nhất có phải vì tất cả mọi nơi chốn khắp thấy đều là những chỗ đã xui lòng đau thương như nhau, những vị trí đau thương tràn trề (*Cực cực thương tâm hà xứ thị?—Tương Đàm Điều Tam Lư đại phu*), một người yêu mến và chịu đựng sự chết nhiều hơn sự sống trong sự sống, kẻ hành trình về địa ngục từ một khối diêm ý thức đến một tảng diêm ý thức. Trong khi đó thì nơi thi ca Ng. Du, những bóng ma luôn luôn tìm về làm loạn tới bởi, những linh hồn dọa dấy đường như lúc nào cũng muốn chối bỏ xứ chết để miệt mài đắm đuối về cõi sống, bày ngạ quỷ đòi phủ nhận lý lịch mình để lên đường gian nan săn đuổi một kiếp khác, những ma và ma vượn ăn phủ trùm tâm sự cứu chuộc từ những người còn sống. Trên con đường âm hồn, nẻo về ngục A-Tỳ yêu dấu đó, Ng. Du đã tìm thấy một nghịch lý bàng hoàng : Ng. Du là kẻ đi tới và ma là kẻ đi lui, Ng. Du là kẻ đi xuống và ma là kẻ đi lên. Ng. Du là một người sống nhưng ham mê cõi chết trong khi ma là người chết nhưng lại cứ đòi đồ bộ, lên đường gian, sống và chết ngược đường hành trình trong hai vị thế đánh tráo lẫn nhau, người và ma rượt đuổi nhau không ngớt, cõi âm và cõi dương trùng lẫn lên nhau, điệu khóc và tiếng cười, cùng đưa đến nhau, tiếng gọi và lời van xin chạm nhau và rưng rưng giữa đường thành huyết lệ một người tóc trắng bơ vơ bên lề thời đại : Ta và Ma, sự đồng tính tự căn bản nhiều cảm dỗ. Như để bắt đầu ở đây, Ng. Du ma một cách ta tôi :

Nào nằng thay buổi chiều thu

Ngàn lau nhuộm bạc lá ngô rụng vàng...

Ồ, ma ! nhà người là gì thế ?

TÔI VIẾT những dòng này, trong khi chờ một ngày XÁ TỘI, để tưởng nhớ đến những hồn ma cũ và mới hằng đêm vẫn thường đạp xe đạp đi đi về về nơi thành phố cũ tôi bởi tan nát đó, loanh quanh với một nỗi miệt mài ma trôi thấp dóm lửa nhà ai trong vườn thành nội, ôi ngục họ ngâm ngùi trong buổi hoàng hôn nơi ngôi miếu hoang trông ra từng bầy cò mổ đưa đám mùa xuân; lui thủ hủi quanh bốn bề trong vòng Hoàng thành âm u đầu đạn tháng giêng, lướt thướt lượn qua từng khu vườn cỏ dại trùm lấp khóm tường vi, đi lê thê trong ngõ hẻm, lượn những mảnh gió ban thờ rụng rơi tới tấp, rắc rưới và lang thang dưới cột đèn xiêu vẹo ánh mắt vàng khè hay âm thầm ngồi trên bờ cỏ ven đường bàng tàn thuốc bay chập choạng đêm tầm, cặm cụi và gầy gò ngang qua trên con đường mù loa đầy tàn cây đa mịt mùng, những bát nhang vờ từ đêm qua, con đường đã đi qua đời tôi : Con đường ÂM HỒN. Bởi vì tôi xin thế : đó là một điều có thật. Δ

Huế tháng 2. 1970.

<https://tieu lun ho pto.org>





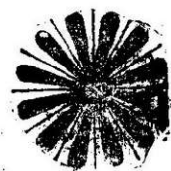
TIN - NGHĨA NGÂN - HÀNG

Công-ty nặc danh số vốn 150.000.000 \$ 00
(đã đóng đủ)

TRU SỞ
TRUNG-ƯƠNG: 50, Bến Chương-Đương — SAIGON

ĐIỆN-THOẠI : 90.153 * 93.012 * 99.104 * 24.050

LÃNH LÀM TẤT CẢ NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG:



- ★ *nhận và trả*
mọi số tiền kỳ thác
- ★ *mở tín dụng*
khoản xuất nhập cảng
- ★ *chuyển ngân*
- *cho vay*
dưới mọi hình thức
- *mở trương mục tiết kiệm*

QUÍ VỊ SẼ HÀI LÒNG ĐƯỢC TIẾP ĐÓN AN CẦN VÀ NÔNG HẬU

IC CHI NHÁNH:

- 19-23 VẠN KIẾP
CHỢ LỚN — Đ.T. 37.253
- 100 THÁP MƯỜI BÌNH TÂY
CHỢ LỚN — Đ.T. 36.786
- 177-179 LÊ THÁNH TÔN
SAIGON — Đ.T. 93.994
- 52 NGUYỄN AN NINH
SAIGON — Đ.T. 99.813
- 7B 7C 7D PHAN TH. GIẢN
VŨNG TÀU — Đ.T. 171

